CÔNG-STĂNG-TI-NỐP

LÝ LUẬN MÁC—LÊ-NIN VỀ DÂN TỘC
VÀ
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

CHƯƠNG VIII CUỐN « DUY VẬT LỊCH SỬ »
DO VIỆN NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC
TRONG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ
XUẤT BẢN NĂM 1954

IN LẦN THỨ HAI

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1957

KỶ LUẬT MỚI — LỄ-NHẠC VỚI ĐẠO TỔ

và

PHƯƠNG TRÁO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

CÔNG-STĂNG-TI-NỐP

LÝ LUẬN MÁC—LÊ-NIN VỀ DÂN TỘC
VÀ
PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

CHƯƠNG VIII CUỐN «DUY VẬT LỊCH SỬ»
DO VIỆN NGHIÊN CỨU TRIẾT HỌC
TRONG VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC LIÊN-XÔ
XUẤT BẢN NĂM 1954

IN LẦN THỨ HAI

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT
HÀ-NỘI — 1957

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Tài liệu này là chương VIII cuốn DUY VẬT LỊCH SỬ *do Viện Nghiên cứu triết học trong Viện Hàn lâm khoa học Liên-xô tập thể sáng tác và do giáo sư Công-stăng-ti-nốp chủ biên.*

Cuốn đó xuất bản lần đầu tiên năm 1951, được nhiệt liệt hoan nghênh; đồng thời cũng được bạn đọc và các giới khoa học Liên-xô (đặc biệt là báo chí, hội nghị chuyên môn các phòng nghiên cứu giáo dục đại học, hội nghị giáo sư triết học Mác và chủ nghĩa Lê-nin, các nhà sử học, kinh tế học và luật học) góp ý kiến phê bình xây dựng. Năm 1954 được tái bản, sau khi đã sửa chữa lại.

Đây là một cuốn sách giáo khoa có giá trị về triết học, trình bày một cách rõ ràng và có hệ thống cơ sở của chủ nghĩa duy vật lịch sử tức là cơ sở khoa học của chủ nghĩa Mác về quy luật chung của sự phát triển xã hội. Nó gồm 12 chương. Theo chương trình và nhu cầu học tập lý luận năm nay của cán bộ ta, chúng tôi lần lượt dịch và xuất bản từng chương một để cung cấp thêm tài liệu học tập, tham khảo cho bạn đọc.

Nội dung chương này trình bày quan điểm duy vật lịch sử của chủ nghĩa Mác về vấn đề dân tộc, định nghĩa thế nào là dân tộc, nêu rõ vấn đề dân tộc là một bộ phận của vấn đề nhân dân lao động đấu tranh chống áp bức bóc lột. Nó vạch rõ chủ nghĩa đế quốc tăng cường và mở

rộng áp bức các dân tộc như thế nào và tại sao vấn đề dân tộc thuộc địa là một bộ phận của vấn đề đấu tranh chống đế quốc, là một bộ phận của vấn đề cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nó nói rõ Liên-xô đã giải quyết tài tình vấn đề dân tộc như thế nào và các nước dân chủ nhân dân đang áp dụng kinh nghiệm Liên-xô để giải quyết vấn đề dân tộc một cách thành công như thế nào. Đồng thời nó vạch mặt chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thế giới phản động và lừa bịp của giai cấp tư sản đế quốc, và giúp chúng ta củng cố thêm tinh thần dân tộc chân chính kết hợp với tinh thần hữu nghị giữa các dân tộc yêu chuộng dân chủ và hoà bình toàn thế giới, tin tưởng vững chắc thêm ở đường lối cách mạng giải phóng dân tộc của Đảng, ở tiền đồ cuộc đấu tranh chính trị thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta hiện nay.

Hà-nội, tháng 7 năm 1956

SỰ THẬT

Chương trên đã nói, phong trào giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng xã hội chủ nghĩa thế giới trong thời đại hiện nay. Vấn đề dân tộc thuộc địa là một vấn đề lý luận và thực tiễn hết sức quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Giải quyết vấn đề đó là một phần trong việc cải tạo dân chủ cách mạng và cải tạo xã hội chủ nghĩa, đưa toàn thể nhân loại từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Cơ sở lý luận của cương lĩnh Đảng cộng sản về vấn đề dân tộc thuộc địa là chủ nghĩa duy vật lịch sử, khoa học về quy luật phát triển của xã hội, bao gồm cả lý luận dân tộc của chủ nghĩa Mác.

1. — LÝ LUẬN DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC

Sự phát triển của xã hội do sự phát triển của phương thức sản xuất của cải vật chất quyết định, đã đẻ ra những khối cộng đồng người : thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc. Trong phương thức sản xuất của chế độ công xã nguyên thủy đã có chế độ xã hội thị tộc. Thị tộc là một tập đoàn sản xuất xã hội riêng lẻ của người ta liên hệ với nhau bằng quan hệ huyết thống. Đi theo sự phát triển của sức sản xuất, thị tộc cũng dần dần mở rộng, phát triển, chia tách và kết thành liên minh thị tộc, tức là bộ lạc ; và bộ lạc lại kết thành liên minh bộ lạc.

Đi theo sự xuất hiện của chế độ tư hữu và giai cấp, chế độ công xã nguyên thủy tan rã; những người trong các thị tộc và bộ lạc tổ chức lại với nhau theo đặc điểm huyết thống, dần dần hỗn hợp, ở chung trên một khoảnh đất, do đó mà sinh ra những bộ lạc có tính chất từng vùng. Về sau, bộ lạc mất tính chất riêng lẻ và độc lập của nó, quyền quản lý bộ lạc chuyển vào tay Nhà nước, một tổ chức của giai cấp thống trị xã hội. Trong Nhà nước, người ta không ở theo đặc điểm huyết thống nữa, mà ở theo đặc điểm *lãnh thổ*. Trong quá trình chuyển từ chế độ công xã nguyên thủy đến xã hội có giai cấp, các bộ lạc gần gụi nhau về ngôn ngữ bắt đầu hình thành *bộ tộc*.

Xã hội nô lệ là khối tập hợp các bộ lạc và các bộ tộc. Bộ tộc Nga-la-tư và các bộ tộc khác ở nước Nga đều đẻ ra vào hồi đầu trung cổ, khi chế độ công xã nguyên thủy chuyển sang phương thức sản xuất phong kiến. Bộ tộc ở nhiều nước khác cũng ra đời như thế (1). Bộ tộc chưa phải là dân tộc, bộ tộc là liên minh của các bộ lạc gần gụi nhau về ngôn ngữ và nguồn gốc, và lại có một lãnh thổ chung.

Chỉ khi tình trạng phong kiến cát cứ bị tiêu diệt, *dân tộc* mới theo đó mà ra đời trong thời đại chủ nghĩa tư bản đang lên, trên cơ sở sinh hoạt kinh tế chung có liên hệ với việc hình thành thị trường dân tộc.

Không thể lẫn lộn dân tộc với chủng tộc, bộ lạc, cũng không thể lẫn lộn dân tộc với khối cộng đồng quốc gia hoặc khối cộng đồng tôn giáo của nhân dân các dân tộc; nhưng xã hội học và sử học tư sản lại lẫn lộn những khái niệm ấy với nhau.

---

(1) Xem quyển «Nguồn gốc gia đình, chế độ tư hữu và Nhà nước» của Ăng-ghen, chương 3, 4.

Dân tộc không phải là khối cộng đồng của chủng tộc và cũng không phải khối cộng đồng của bộ lạc. Dân tộc là do người các bộ lạc khác nhau và người các chủng tộc khác nhau hợp thành. Thí dụ: dân tộc Ý là do người La-mã, người Giéc-manh, người E-tờ-rút-scơ, người Hy-lạp, người Ả-rập, v.v... mà ra; dân tộc Pháp là do người Gô-loa, người La-mã, người Bơ-ri-tit-sơ, người Giéc-manh, v.v... mà ra; dân tộc Anh, dân tộc Mỹ, dân tộc Đức và các dân tộc khác do người các bộ lạc và chủng tộc khác nhau hợp lại cũng đều như thế (1).

Sự khác nhau về *chủng tộc* giữa người ta là sự khác nhau về đặc điểm sinh vật học bề ngoài như màu da, màu tóc, v.v... Đặc điểm của chủng tộc là do người ta sống lâu dài trong điều kiện địa lý khác nhau mà thành ra; những sự khác nhau nói trên đã có từ trước khi bộ lạc và bộ tộc ra đời, tất nhiên cũng đã có trước khi sinh ra dân tộc nữa.

Khối cộng đồng dân tộc cũng không phải khối cộng đồng quốc gia. Thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc đều không thể không có ngôn ngữ chung, nhưng quốc gia không nhất định là phải có ngôn ngữ chung. Các đế quốc thời nô lệ và phong kiến như đế quốc Ki-rơ, đế quốc A-lếch-dăng Ma-ki-đôn-ski hoặc đế quốc Các-lơ đại đế đều là những khối tập hợp nhiều bộ lạc và bộ tộc nói tiếng khác nhau. Nhiều nước ngày nay, bất cứ là nước tư bản hay nước xã hội chủ nghĩa đều do mấy dân tộc có ngôn ngữ dân tộc khác nhau hợp lại.

Ngôn ngữ dân tộc là sản vật của toàn bộ lịch sử của những người đang hình thành dân tộc. Ngôn ngữ của dân tộc là do ngôn ngữ bộ tộc có liên quan phát triển lên, mà ngôn ngữ của bộ tộc là do ngôn ngữ của

---

(1) Xem «Sta-lin toàn tập». Tập 2, trang 293.

các bộ lạc hợp thành bộ tộc ấy phát triển lên. Không có ngôn ngữ chung thì không thể có sự giao thiệp giữa người ta, không thể có khối cộng đồng thị tộc, bộ lạc, bộ tộc và dân tộc.

Vì vậy, *ngôn ngữ chung* là đặc điểm nhất định phải có của dân tộc. Nhưng đó không phải là đặc điểm duy nhất của dân tộc. Người Anh và người Mỹ dùng một thứ ngôn ngữ chung, nhưng lại là hai dân tộc khác nhau. Tại sao vậy? Trước hết vì hai dân tộc ấy không có một lãnh thổ chung. Dân tộc hình thành, đó chỉ là kết quả việc người ta thường xuyên giao thiệp lâu đời với nhau, mà muốn làm được như thế, thì nhất định phải có lãnh thổ chung. Vì vậy, *lãnh thổ chung* cũng là đặc điểm nhất định phải có của dân tộc. Thế nhưng bản thân lãnh thổ chung chưa thể tạo thành dân tộc được.

Còn cần phải có mối *liên hệ kinh tế* vững chắc hình thành nên trong lịch sử giữa những người cùng nói một thứ tiếng, cùng ở một lãnh thổ chung. Mối liên hệ ấy lần đầu tiên xuất hiện trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản ra đời.

Các bộ lạc Sla-vơ trong thời đại Ki-ép Nga (thế kỷ thứ IX đến thế kỷ XII), đã họp thành một bộ tộc, nhưng lúc ấy chưa hình thành một dân tộc. Mãi đến thời đại công quốc Mạc-tư-khoa thế kỷ XVII, khi tình trạng phong kiến cát cứ trong nước đã bị tiêu diệt, các «lãnh thổ» phân tán về mặt kinh tế và các nước chư hầu được phong đất trở thành một khối kinh tế thống nhất trên cơ sở thủ công nghiệp, thương nghiệp phát triển và thị trường thống nhất toàn nước Nga đã hình thành, khi ấy dân tộc Nga-la-tư mới bắt đầu hình thành.

Theo lý luận duy tâm tư sản của Mi-khai-lốp-sky, một phần tử thuộc phái dân túy, thì liên hệ dân tộc

chính là nối tiếp và tổng hợp liên hệ thị tộc. Khi vạch trần lý luận ấy, Lê-nin đã nêu ra rằng: xây dựng liên hệ dân tộc trên lịch sử có nghĩa là xây dựng liên hệ tư sản, vì giai cấp tư sản đã lãnh đạo quá trình phát triển của dân tộc và thị trường dân tộc (1). Sta-lin đã lấy sự hình thành của dân tộc Giê-oóc-gi hồi nửa cuối thế kỷ XIX làm ví dụ để nói rõ quá trình ấy. Tất cả các dân tộc tư sản đều ra đời như thế. Năm 1914 khi Lê-nin viết câu: «Dân tộc là sản vật tất nhiên và hình thức tất nhiên của xã hội phát triển đến thời đại tư sản» (2) chính là chỉ dân tộc như thế. Sta-lin nói dân tộc ra đời trong thời đại chủ nghĩa tư bản đang lên, cũng là chỉ dân tộc như thế.

Trong những nước khác nhau, *dân tộc tư sản* hình thành ra trong thời gian khác nhau và trong điều kiện lịch sử khác nhau. Anh, Mỹ và các nước đế quốc khác đã nâng đỡ cho quan hệ phong kiến, thậm chí còn nâng đỡ cho tàn tích chế độ nô lệ ở các nước thuộc địa. Vì vậy, ở đấy việc dân tộc ra đời và củng cố đã bị ngăn trở và bóp nghẹt; tuy thế, quá trình ấy vẫn tiến hành, vì ở đấy cũng có chủ nghĩa tư bản đang phát triển, công nghiệp và thị trường dân tộc cũng đang được sáng lập, giai cấp tư sản dân tộc và giai cấp vô sản dân tộc cũng đang trưởng thành.

Đặc điểm của các điều kiện lịch sử hình thành và phát triển dân tộc quyết định đặc điểm của *bản chất tâm lý* dân tộc. Người Anh, người Mỹ, người Iếc-lăng cùng nói một thứ tiếng, nhưng không phải là một dân tộc mà là ba dân tộc khác nhau; ở đây, bản chất tâm

---

(1) Xem «Thế nào là «bạn của nhân dân» và họ đấu tranh với đảng viên xã hội dân chủ như thế nào?» Của Lê-nin.

(2) Lê-nin: «Mác, Ăng-ghen và chủ nghĩa Mác».

lý riêng của mỗi một dân tộc lại có tác dụng khá lớn, bản chất tâm lý riêng ấy do điều kiện sinh hoạt xã hội riêng lâu năm mà thành ra.

Bản chất tâm lý của dân tộc là phản ánh điều kiện sinh hoạt vật chất của nhân dân, là phản ánh những đặc điểm sinh hoạt của nhân dân và lịch sử của nhân dân, là phản ánh những sự kiện quan trọng nhất có ảnh hưởng lớn đến sinh hoạt và sự phát triển tiếp tục của dân tộc. Bản chất tâm lý hoặc gọi là tính cách dân tộc, bản thân nó không thể sờ mó được, nhưng có thể xác định được, vì nó biểu hiện ra ở nền *văn hóa dân tộc*, biểu hiện ra ở những đặc điểm của văn hóa dân tộc, như những hình tượng anh hùng trong văn học và nghệ thuật, những điệu nhạc và bài hát, những điệu múa dân tộc, những bài thơ sử, tục ngữ và ngạn ngữ của nhân dân, tranh vẽ và kiến trúc, v.v... mà nhân dân dân tộc ấy ưa thích. Ví dụ như văn hóa của dân tộc Nga-la-tư, dân ca, thần thoại, ngạn ngữ và văn học, hội họa, âm nhạc của họ, v.v... đều biểu hiện bản chất tâm lý dân tộc Nga-la-tư, tức là tính cách dân tộc Nga-la-tư. Tính cách ấy phản ánh điều kiện sinh hoạt vật chất xã hội của dân tộc Nga-la-tư, sinh hoạt hàng ngày và những sự kiện lớn trong lịch sử Nga-la-tư : lao động trong điều kiện thiên nhiên khó khăn, đấu tranh chống kẻ xâm lược bên ngoài và đấu tranh chống sự áp bức xã hội. Những đặc điểm ấy trong lịch sử dân tộc Nga-la-tư đã đẻ ra những phẩm chất cao quý của dân tộc Nga-la-tư mà Sta-lin đã nêu lên : đầu óc sáng suốt, tính tình kiên quyết, sự nhẫn nại có lý trí, và chí khí cách mạng của người Nga-la-tư.

Nhìn về mặt phát triển, bản chất tâm lý dân tộc biểu hiện ra ở hai mặt nội dung và hình thức của nền văn hóa dân tộc. Hình thức dân tộc của văn hóa không phải tồn tại riêng một mình, tách khỏi nội dung của

văn hóa, mà nội dung của văn hóa bao giờ cũng biểu hiện trong một hình thức dân tộc nhất định. Không có một nền văn hóa không dân tộc. Nội dung và hình thức của văn hóa dân tộc đều phản ánh sinh hoạt của dân tộc và những đặc điểm về lịch sử, phong tục tập quán của dân tộc. Hình thức dân tộc của văn hóa là toàn bộ những thủ đoạn biểu hiện riêng biệt cùng những phương pháp biểu hiện riêng biệt của một nền văn hóa dân tộc nào đó. Trước hết là ngôn ngữ dân tộc và những đặc điểm của hình thức nghệ thuật văn hóa dân tộc, do đặc điểm lịch sử và đặc điểm sinh hoạt dân tộc quyết định. Mỗi một nền văn hóa dân tộc đều là một cống hiến của dân tộc ấy vào kho tàng văn hóa quý báu chung của thế giới, làm cho nó thêm phong phú. Bộ phận chính trong mỗi dân tộc đều là nhân dân lao động — lực lượng chủ yếu của quá trình sản xuất, người thể hiện những đặc điểm ưu tú của bản chất tâm lý dân tộc, người sáng tạo ra ngôn ngữ dân tộc và văn hóa dân tộc.

Lê-nin và Sta-lin đã tóm tắt quá trình lịch sử hình thành và phát triển của dân tộc, do đó sáng lập ra lý luận dân tộc của chủ nghĩa Mác: «Dân tộc là khối cộng đồng người vững chắc hình thành trong lịch sử, sinh ra trên cơ sở bốn đặc điểm cơ bản chung là: ngôn ngữ chung, lãnh thổ chung, sinh hoạt kinh tế chung và bản chất tâm lý chung biểu hiện ra ở đặc điểm chung của nền văn hóa dân tộc» (1).

Chỉ có đầy đủ cả bốn đặc điểm cần thiết ấy, mới thành một dân tộc. Nếu ngoài bốn đặc điểm đó ra, lại muốn thêm vào đặc điểm thứ 5 nữa — tức là sự tồn tại của quốc gia dân tộc, thì sai lầm lớn, sai lầm đặc biệt.

---

(1) *Sta-lin: «Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc, thuộc địa.»*

Vì như thế thì sẽ gạt ra ngoài phạm trù dân tộc những dân tộc bị đế quốc áp bức, mất nước. Thêm vào một đặc điểm như thế sẽ có một kết luận sai nữa, tức là các dân tộc Liên-xô đồng ý sát nhập nước Cộng hòa xô viết của dân tộc mình vào một liên bang, hình như sẽ không phải là dân tộc nữa.

Xã hội học tư sản phản động đã nhìn nhận dân tộc một cách siêu hình và duy tâm, coi dân tộc là một thứ gì vĩnh viễn không bao giờ thay đổi, vượt cả thời gian và không gian. Lý luận của những người theo chủ nghĩa chủng tộc, những người theo chủ nghĩa dân tộc và đảng viên đảng xã hội phái hữu là như thế. Thí dụ như lý luận của Ren-ne (Spơ-rin-gie), đảng viên xã hội phái hữu. Áo, nói rằng: dân tộc là «khối liên minh của những người cùng chung một tư tưởng, cùng chung một ngôn ngữ», hoặc là «khối cộng đồng văn hóa của một tập đoàn người hiện đại *không có liên quan gì đến «lãnh thổ»*. Theo Ren-ne thì những người không ở chung trong một nước, tức là không có liên quan gì với nhau về lãnh thổ và kinh tế, nhưng cùng nói một thứ tiếng, là có một nền «văn hóa chung» và tổ chức thành một dân tộc. Lý luận của một người khác theo chủ nghĩa xét lại ở Áo là Bô-e lại nói: không những lãnh thổ và sinh hoạt kinh tế chung không phải là đặc điểm cần thiết phải có của dân tộc, mà cả ngôn ngữ chung cũng không phải là đặc điểm cần thiết phải có của dân tộc. Bô-e và Ren-ne cắt rời mối quan hệ giữa dân tộc và lãnh thổ của nó, cắt rời quan hệ giữa dân tộc và cơ sở kinh tế để ra dân tộc ấy, quy kết dân tộc thành «khối cộng đồng văn hóa» hoặc «tính cách dân tộc», vì thế mà biến dân tộc thành những thứ gì không phải vật chất, thành một lực lượng thần bí, hư vô, huyền ảo là «tinh thần dân tộc» mà những người duy tâm đã bịa ra. Khi châm biếm lý luận duy tâm ấy, Sta-lin đã nói: Đó không phải là dân tộc có thật hoạt động trên mặt đất, mà là một thứ gì không thể sờ mó được, thần bí, không phải ở trần gian. Lý luận của Bô-e và Ren-ne không những là duy tâm và siêu hình mà còn là dân tộc chủ nghĩa, vì lý luận ấy xóa nhòa sự đối kháng giai cấp trong nội bộ dân tộc tư sản, tuyên

truyền rằng kẻ bóc lột và người bị bóc lột «nhất trí» về tư tưởng và lợi ích, làm cho người bị bóc lột phục tùng kẻ bóc lột.

Lý luận ấy được những nhà tư tưởng đế quốc phản động hưởng ứng, điều đó không phải là ngẫu nhiên. Thí dụ như nhà «tư tưởng đồng minh toàn châu Âu» nổi tiếng là bá tước Cô-đen-cốp — Ca-lê-ki (hiện làm giáo sư lịch sử ở trường đại học Nữu-ước), đã viết trong quyển «Dân tộc châu Âu», định nghĩa dân tộc là «khối cộng đồng về tinh thần do một vị tiên tri, một lãnh tụ, một người dạy dỗ hoặc một người thày chung liên hiệp lại». Cô-đen-cốp — Ca-lê-ki tuyên truyền khẩu hiệu «Liên bang châu Âu» (tất nhiên là liên bang do đế quốc Mỹ và tay sai của chúng điều khiển) mà Lê-nin đã vạch mặt ngay từ năm 1915, cũng tức là tuyên truyền cho kế hoạch nô dịch nhân dân các nước châu Âu của đế quốc Mỹ và tay sai của chúng ở Tây Đức.

Những người tuyên truyền cho chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa thế giới như Rốt-xơ, Bô-ga-đúc, Rát-sơn, Mét, Côn v.v... muốn xóa nhòa sự đối kháng giai cấp trong nội bộ dân tộc tư sản, và «chứng minh bằng lý luận» cho dã tâm xâm lược của đế quốc Mỹ, nên đều cho rằng dân tộc là do «tinh thần dân tộc», do «ý thức dân tộc» mà có; chúng tuyên bố rằng ý thức dân tộc, ngay cả bản thân dân tộc, chủ quyền dân tộc, cùng tự do, độc lập của dân tộc, trừ dân tộc Mỹ và Anh ra, thì đều là những «thành kiến» lỗi thời, nay nên «bỏ đi», và xây dựng một «Chính phủ thế giới», tức là xây dựng quyền bá chủ thế giới của đế quốc Mỹ. Những lý luận phản động ấy không chút gì là khoa học cả, nó phục vụ cho bọn đế quốc Mỹ manh tâm làm bá chủ thế giới và nô dịch nhân dân các nước trên toàn thế giới.

Lý luận dân tộc của chủ nghĩa Mác — Lê-nin là lý luận khoa học duy nhất. Lý luận ấy dùng điều kiện sinh hoạt vật chất của dân tộc để giải thích sự phát sinh và phát triển của dân tộc, cùng ý thức dân tộc, đồng thời vạch rõ cho các dân tộc con đường thoát khỏi ách áp bức của đế quốc; lý luận ấy vạch ra rằng: cũng như

tất cả các hiện tượng lịch sử, dân tộc có sinh ra, có phát triển và rồi cũng sẽ có kết thúc.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười đã mở đầu thời đại hình thành và phát triển của *dân tộc xã hội chủ nghĩa* mới khác hẳn dân tộc tư sản. Ngay từ trước cách mạng, tức là năm 1916, Lê-nin đã dự kiến đến sự xuất hiện của các dân tộc xã hội chủ nghĩa, dự kiến đến việc phát triển sự hợp tác hữu ái và tự nguyện gần gũi nhau của các dân tộc ấy (1).

Dân tộc tư sản phân chia ra thành những giai cấp đối kháng nhau — số ít kẻ bóc lột và số đông người bị bóc lột. Sự đối kháng giai cấp quyết định hình thức đối kháng trong sự phát triển dân tộc và văn hóa dân tộc, nó in vết trên bộ mặt tinh thần của dân tộc. Lực lượng chủ yếu, lãnh đạo những dân tộc ấy là giai cấp tư sản. Giai cấp tư sản tuyên truyền rằng : « Hòa bình giai cấp » trong nội bộ dân tộc là cốt để « thống nhất dân tộc », nhưng thực tế thì để bóc lột người lao động trong dân tộc ấy ; giai cấp tư sản dùng lối cướp đoạt lãnh thổ của dân tộc khác để mở rộng lãnh thổ của dân tộc mình, gieo rắc tâm lý ngờ vực và hằn thù dân tộc khác, thi hành chính sách áp bức dân tộc thiểu số. Đó là bộ mặt chính trị xã hội của dân tộc tư sản.

Dân tộc xã hội chủ nghĩa lần đầu sinh ra và phát triển ở Liên-xô, nó sinh ra và phát triển trên cơ sở chuyên chính vô sản, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và Đảng cộng sản một lòng chấp hành nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và tiêu diệt giai cấp bóc lột đại biểu cho sự áp bức dân tộc, trong cuộc đấu tranh kiên quyết với

---

(1) Xem « Tổng kết cuộc thảo luận vấn đề tự quyết » của Lê-nin, in ở « Lê-nin toàn tập » quyển 22, trang 324.

chủ nghĩa dân tộc tư sản. Dân tộc xã hội chủ nghĩa cũng đang hình thành trong các nước dân chủ nhân dân.

Ngay từ năm 1929, khi Liên-xô chưa tiêu diệt hoàn toàn giai cấp bóc lột, Sta-lin đã trình bày về dân tộc xã hội chủ nghĩa như sau:

« Giai cấp công nhân và chính đảng quốc tế chủ nghĩa của nó là lực lượng đoàn kết và lãnh đạo những dân tộc kiểu mới ấy. Để tiêu diệt tàn dư chủ nghĩa tư bản, và xây dựng chủ nghĩa xã hội thắng lợi, nên phải xây dựng khối liên minh giữa giai cấp công nhân và nông dân lao động trong nội bộ dân tộc; vì quyền bình đẳng và tự do phát triển của các dân tộc và dân tộc thiểu số, nên phải tiêu diệt tàn tích áp bức dân tộc; để xây dựng tình hữu nghị giữa các dân tộc và xây dựng chủ nghĩa quốc tế, nên phải tiêu diệt tàn tích chủ nghĩa dân tộc; trong cuộc đấu tranh chống chính sách xâm lược và chiến tranh xâm lược, trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thành lập mặt trận thống nhất với tất cả các dân tộc bị áp bức và không có quyền bình đẳng, — tất cả những điểm đó là bộ mặt tinh thần và bộ mặt chính trị xã hội của những dân tộc ấy.

Những dân tộc như thế nên coi là dân tộc xã hội chủ nghĩa. » (1)

Dân tộc xã hội chủ nghĩa ra đời trên cơ sở và đống gạch tàn của dân tộc tư sản cũ trước kia, sau khi đã tiêu diệt chủ nghĩa tư bản và dùng tinh thần xã hội chủ nghĩa để tiến hành cải tạo cách mạng đối với dân tộc. Việc cải tạo ấy đã thay đổi bộ mặt chính trị xã hội và bộ mặt tinh thần của nhân dân các dân tộc Liên-xô. Các dân tộc xã hội chủ nghĩa ở Liên-xô: dân tộc Nga, dân tộc U-cơ-ren, dân tộc Bi-ê-lô-ruýt-xi, dân tộc Giê-oóc-gi, dân tộc Ác-mê-ni, dân tộc A-déc-bê-giăng, dân

---

(1) *Sta lin : « Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc, thuộc địa »*.

tộc U-dơ-bếch, dân tộc Ca-dắc, dân tộc Tác-ta, dân tộc Bát-su-kia, dân tộc Ly-chuy-a-ni, dân tộc Et-tô-ni, dân tộc Lét-tô-ni, dân tộc Môn-đa-vi và các dân tộc khác, bất cứ xét về thành phần giai cấp và bộ mặt tinh thần, hay xét về xu hướng chính trị xã hội, cũng đều khác hẳn dân tộc tư sản cũ trước kia. Những dân tộc ấy có sức sống hơn, đoàn kết hơn bất cứ một dân tộc tư sản nào, « vì nó không có mâu thuẫn giai cấp không thể điều hòa đang đục khoét dân tộc tư sản, mà lại là những dân tộc có tính chất toàn dân hơn bất cứ một dân tộc tư sản nào ».(1)

Dân tộc xã hội chủ nghĩa do các giai cấp lao động đã thoát khỏi bóc lột tổ chức thành; vì trong xã hội xã hội chủ nghĩa không có giai cấp bóc lột, cho nên sự nhất trí về tinh thần và về chính trị đã liên kết chặt chẽ những dân tộc ấy với nhau. Đó là những dân tộc có tính chất chung về kinh tế mới do chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa đẻ ra, là những dân tộc có bộ mặt chính trị đạo đức mới biểu hiện ra ở tính chất chung về văn hóa với nội dung xã hội chủ nghĩa và hình thức dân tộc. Bộ mặt tinh thần của các dân tộc xã hội chủ nghĩa phản ánh những đặc điểm của chế độ xã hội chủ nghĩa đã đẻ ra các dân tộc ấy. Dân tộc xã hội chủ nghĩa là những dân tộc đổi mới, là những dân tộc xây dựng xã hội cộng sản; họ được rèn luyện với tư tưởng chủ nghĩa ái quốc xô viết, tinh thần hữu hảo giữa nhân dân các dân tộc, bình đẳng giữa các chủng tộc và tôn trọng quyền lợi của nhân dân các dân tộc khác. Trước kia, trước khi có chế độ xã hội chủ nghĩa, không có và cũng không thể có những dân tộc như thế.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã bóc trần chính sách đế quốc dùng bạo lực để đồng hóa dân tộc, đó là chính

---

(1) Sta-lin: *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc, thuộc địa*».

sách phản động, phản nhân dân, đồng thời vạch cho nhân dân các nước con đường tiêu diệt áp bức dân tộc, thực hiện quyền lợi bình đẳng và hợp tác anh em tự nguyện. Thực tiễn của nhân dân các dân tộc Liên-xô đã thử thách và chứng thực con đường ấy.

Trả lời vấn đề tương lai của dân tộc, chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy chúng ta rằng: khi chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi ở tất cả các nước trên thế giới, toàn thể nhân loại, trên cơ sở các dân tộc hợp tác hữu ái và văn hóa dân tộc phồn thịnh, cuối cùng sẽ đi tới chỗ các dân tộc hoàn toàn hòa lẫn với nhau trên cơ sở chủ nghĩa cộng sản. Điều đó đương nhiên không thể thực hiện ngay trong một thời gian ngắn.

« Loài người chỉ có trải qua thời kỳ quá độ với nền chuyên chính của giai cấp bị áp bức, thì mới đi đến chỗ tiêu diệt giai cấp; cũng như trên, loài người chỉ có trải qua thời kỳ quá độ để hoàn toàn giải phóng cho tất cả các dân tộc bị áp bức, tức là làm cho các dân tộc bị áp bức có quyền tự do phân lập, mới có thể đi tới chỗ các dân tộc nhất định hòa hợp lại. » (1) Lê-nin vạch ra rằng: « Thậm chí sau khi đã thực hiện chuyên chính vô sản trên toàn thế giới, trong một thời gian rất dài » (2), vẫn còn sự khác nhau về dân tộc.

Định dùng một mệnh lệnh hay dùng biện pháp cưỡng bức để thực hiện ngay việc hòa lẫn các dân tộc với nhau sau khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi, thì thực tế không khác gì chính sách đồng hóa bằng bạo lực, làm như thế chỉ có lợi cho bọn đế quốc, mà có hại cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, có hại cho việc thực hiện sự hợp tác hữu ái của các dân tộc.

---

(1) *Lê-nin: « Cách mạng xã hội chủ nghĩa và quyền dân tộc tự quyết ».*

(2) *« Lê-nin toàn tập ».*

Thời kỳ thứ nhất sau khi chủ nghĩa đế quốc thất bại và chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở tất cả các nước, sẽ là thời kỳ tiêu diệt lần cuối cùng sự áp bức dân tộc và tâm lý không tin nhau giữa các dân tộc, là thời kỳ xây dựng dân tộc bình đẳng, xây dựng và củng cố mối liên hệ quốc tế, phát triển văn hóa dân tộc và ngôn ngữ dân tộc.

Chỉ có khi nào hệ thống kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới đã được củng cố đầy đủ, và chủ nghĩa xã hội đã ăn sâu vào đời sống hàng ngày của nhân dân các dân tộc, chỉ có khi nào bản thân các dân tộc đã căn cứ vào thực tiễn mà tin chắc rằng thứ ngôn ngữ chung, duy nhất hơn hẳn ngôn ngữ của các dân tộc, thì khi đó, sự khác nhau về dân tộc và ngôn ngữ dân tộc mới tự nó mất đi, và nhường chỗ cho ngôn ngữ chung của thế giới.

«Nên để cho nền văn hóa của các dân tộc, sau khi phát huy mọi lực lượng tiềm tàng, được phát triển và mở rộng ra, để tạo điều kiện cho việc hòa lẫn các nền văn hóa ấy thành một nền văn hóa chung có một thứ ngôn ngữ chung khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi trên toàn thế giới. Hết sức phát triển các nền văn hóa với hình thức dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa trong điều kiện giai cấp vô sản chuyên chính trong một nước đơn độc để hòa hợp các nền văn hóa ấy thành nền văn hóa chung xã hội chủ nghĩa (cả hình thức lẫn nội dung đều là xã hội chủ nghĩa) với một ngôn ngữ chung khi giai cấp vô sản đã thắng lợi trên toàn thế giới và chủ nghĩa xã hội đã đi sâu vào đời sống hàng ngày,— đó chính là tính chất biện chứng của cách đặt vấn đề văn hóa dân tộc theo chủ nghĩa Lê-nin». (1)

---

(1) *Sta-lin: «Báo cáo chính trị của Trung ương trước Đại hội lần thứ XVI của Đảng cộng sản (b) Liên-xô».*

Dưới chế độ xã hội chủ nghĩa, điều kiện phát triển của dân tộc và văn hóa, ngôn ngữ của dân tộc đã có những biến đổi căn bản, vì ở đây không hề có sự áp bức dân tộc và không hề có sự bất bình đẳng dân tộc, không có tình trạng một số dân tộc và văn hóa, ngôn ngữ của số dân tộc ấy áp bức một số dân tộc khác và văn hóa, ngôn ngữ của số dân tộc khác ấy, không có tình trạng một số ngôn ngữ này thất bại và một số ngôn ngữ khác thắng lợi, như đã xảy ra trong điều kiện xã hội tư bản. Trong điều kiện xã hội chủ nghĩa, ngôn ngữ dân tộc và văn hóa dân tộc đều hoàn toàn có thể tự do phát triển, đồng thời bổ sung cho nhau bằng sự hợp tác hữu ái. Sau khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi trong phạm vi thế giới, nhờ hợp tác lâu dài về kinh tế, chính trị và văn hóa, có thể là trong số hàng trăm thứ ngôn ngữ dân tộc, lúc đầu sẽ sinh ra một số *ngôn ngữ khu vực* phong phú nhất (ngôn ngữ chung đối với các tập đoàn dân tộc), thứ ngôn ngữ khu vực ấy sẽ song song tồn tại với ngôn ngữ dân tộc trong giai đoạn thứ hai của chuyên chính vô sản thế giới, sau đó sẽ lại sinh ra một thứ ngôn ngữ thế giới chung thu hút tinh hoa của các thứ ngôn ngữ dân tộc và ngôn ngữ khu vực. Dự kiến khoa học đó của chủ nghĩa Mác — Lê-nin dựa trên cơ sở phân tích sâu sắc quy luật phát triển của xã hội.

2. — PHONG TRÀO DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC THUỘC ĐỊA

Trong điều kiện tư bản chủ nghĩa, dân tộc và bộ tộc bị áp bức là hiện tượng không thể tránh khỏi. Sự áp bức đó cũng nhất định đẻ ra phong trào giải phóng dân tộc và vấn đề dân tộc.

Những nước quân chủ phong kiến là vũ đài đầu tiên của sự áp bức dân tộc và phong trào dân tộc ; chính trong những nước ấy, chủ nghĩa tư bản phát triển lên, dân tộc tư sản ra đời, và phong trào dân tộc tư sản cũng bắt đầu diễn ra.

Tính chất chế độ xã hội và tính chất của sự áp bức dân tộc do nó đẻ ra quyết định bản chất giai cấp và đặc điểm của phong trào dân tộc, quyết định mục đích, yêu cầu và cương lĩnh của phong trào ấy. Điều kiện lịch sử thay đổi, lực lượng xã hội tham gia phong trào dân tộc ấy thay đổi, thì nội dung, tính chất của phong trào dân tộc, cùng tính chất của vấn đề dân tộc cũng thay đổi theo. Mỗi một giai cấp đều hiểu và giải quyết vấn đề dân tộc theo cách của mình.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin nhìn nhận phong trào dân tộc một cách *cụ thể* và *lịch sử*, liên hệ phong trào dân tộc với chế độ xã hội ở nước ấy để nghiên cứu, vạch rõ nội dung *giai cấp* của những phong trào ấy và nội dung giai cấp của vấn đề dân tộc. « Vấn đề dân tộc không thể coi là một vấn đề cô lập, cố định không thay đổi. Vấn đề dân tộc chỉ là một bộ phận của cả vấn đề cải tạo chế độ xã hội hiện hành, nó hoàn toàn do điều kiện hoàn cảnh xã hội, do tính chất của chính quyền trong nước và do toàn bộ quá trình phát triển của xã hội quyết định »(1). Chủ nghĩa Mác — Lê-nin coi vấn đề dân tộc là một bộ phận của vấn đề cách mạng, và yêu cầu phân biệt sự liên hệ của vấn đề ấy với cách mạng dân chủ tư sản và sự liên hệ của vấn đề ấy với cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Khi dựa vào lịch sử thế giới để nghiên cứu sự phát triển của phong trào dân tộc và cách giải quyết vấn đề dân tộc, cần phải phân biệt ba thời kỳ sau :

---

(1) Sta-lin ; « Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc, thuộc địa »

Thời kỳ thứ nhất, đó là thời kỳ chế độ phong kiến Tây Âu tiêu diệt và chủ nghĩa tư bản thắng lợi, là thời kỳ ở Tây Âu xuất hiện những dân tộc tư sản và những quốc gia dân tộc, ở Đông Âu xuất hiện những quốc gia có nhiều dân tộc, là thời kỳ cách mạng tư sản, cách mạng dân chủ tư sản và phong trào giải phóng dân tộc, một bộ phận của những cuộc cách mạng ấy và gắn liền với những cuộc cách mạng ấy. Phong trào dân tộc tư sản ở Tây Âu diễn ra trong thời kỳ từ thế kỷ XVII đến thế kỷ XIX, và đại thể hoàn thành vào năm 1871. Bấy giờ kẻ chủ yếu gây ra áp bức dân tộc là Nhà nước quân chủ phong kiến và giai cấp địa chủ, giai cấp tư sản của dân tộc thống trị. Vì lúc ấy giai cấp vô sản chưa trở thành một lực lượng chính trị độc lập, nên cuộc đấu tranh chống áp bức dân tộc của dân tộc bị áp bức do giai cấp tư sản của các dân tộc bị áp bức lãnh đạo, cho nên cuộc đấu tranh ấy có tính chất hạn chế của giai cấp tư sản: giai cấp tư sản của một dân tộc này nỗi dậy phản đối sự cạnh tranh của giai cấp tư sản dân tộc khác, cố sức giữ lấy thị trường dân tộc «của mình». Thị trường là trường học đầu tiên để giai cấp tư sản học tập chủ nghĩa dân tộc. Nhưng vấn đề không phải hạn chế ở thị trường, không phải hạn chế ở phạm vi kinh tế. Giai cấp thống trị trong dân tộc thống trị lợi dụng chính quyền Nhà nước của nó để thi hành đủ các thứ áp bức, cấm các dân tộc bị áp bức dùng ngôn ngữ của họ và xây dựng trường học của họ, hạn chế và xâm phạm đến quyền tuyển cử cùng các quyền lợi chính trị khác của họ.

Ở những nơi không có quyền dân chủ cơ bản và tự do, phương thức áp bức dân tộc chuyển thành phương thức khiêu khích cho dân tộc này áp bức dân tộc kia, chuyển thành phương thức tàn sát và giày xéo. Toàn bộ

gánh nặng của sự áp bức dân tộc đều trút lên đầu công nhân và nông dân, vì vậy mà những giai cấp ấy cũng tham gia phong trào, làm cho phong trào có tính chất quần chúng và nhân dân. Giai cấp tư sản hết sức lợi dụng quần chúng công nhân và nông dân để phục vụ cho mục đích của giai cấp mình, lôi kéo họ vào dưới ngọn cờ chủ nghĩa dân tộc.

Thời kỳ thứ hai trong lịch sử phong trào dân tộc là *thời kỳ đế quốc chủ nghĩa*. Chủ nghĩa đế quốc biểu lộ áp bức dân tộc sâu rộng hơn trên cơ sở mới, tức là trên cơ sở tư bản lũng đoạn chiếm địa vị thống trị. Chủ nghĩa tư bản, trong thời kỳ phát triển đi lên của nó, đã từng đóng vai trò người giải phóng dân tộc thoát ách áp bức của chế độ quân chủ phong kiến, nhưng trong thời kỳ đế quốc chủ nghĩa thì chủ nghĩa tư bản lại thành ra kẻ áp bức dân tộc, bóp chết dân tộc nguy hiểm nhất. Chủ nghĩa đế quốc chia thế giới thành hai phe: một bên là số ít dân tộc thống trị, bên kia là số lớn các dân tộc bị áp bức ở các nước phụ thuộc và thuộc địa bị tư bản lũng đoạn các nước «văn minh» thẳng tay bóc lột. Chủ nghĩa Lê-nin dạy chúng ta rằng: đó là thực chất của chủ nghĩa đế quốc về mặt quan hệ dân tộc. Quan hệ ấy do quy luật kinh tế cơ bản của chủ nghĩa tư bản hiện đại — tức là không những dùng biện pháp bóc lột đại đa số nhân dân trong nước, mà còn dùng biện pháp nô dịch và không ngừng cướp đoạt nhân dân các nước khác nhất là nhân dân các nước lạc hậu để bảo đảm lợi nhuận tư bản chủ nghĩa với mức độ cao nhất — quyết định.

Tư bản lũng đoạn không thể thỏa mãn với phạm vi nhỏ hẹp của các nước dân tộc, chúng cố sức cướp đoạt, nô dịch và bóc lột các nước khác, các dân tộc khác. Những nước dân tộc trước kia — Anh, Đức,

Hà-lan, Pháp, Mỹ, Nhật v.v... — vì sự cướp đoạt ấy mà biến thành các nước thực dân có nhiều dân tộc. Tăng thêm sự áp bức dân tộc thuộc địa, không khỏi làm cho phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân bị áp bức chống chủ nghĩa đế quốc lên cao.

Trong thời kỳ này, vấn đề dân tộc thuộc địa là vấn đề nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc đòi giải phóng khỏi ách áp bức của đế quốc. Đồng thời, số lớn nhân khẩu ở thuộc địa là nông dân, cho nên vấn đề dân tộc thuộc địa trong thời kỳ đế quốc trên thực chất là vấn đề nông dân; nhưng vấn đề đó không thể hoàn toàn quy kết thành vấn đề nông dân vì ngoài vấn đề ruộng đất của nông dân ra, nó còn bao gồm những vấn đề độc lập dân tộc, vấn đề chủ quyền quốc gia và ngôn ngữ, văn hóa v.v...

Hai thời kỳ trong lịch sử phong trào dân tộc nói trên có một đặc điểm chung, tức là dân tộc bị áp bức và nô dịch, vấn đề dân tộc chưa được giải quyết. Nhưng cũng có một chỗ khác nhau: trong thời kỳ thứ nhất, vấn đề dân tộc chưa vượt ra khỏi phạm vi các nước nhiều dân tộc chỉ bao gồm vài dân tộc, mà chủ yếu là các dân tộc ở châu Âu; nhưng trong thời kỳ thứ hai, vấn đề dân tộc đã biến từ vấn đề nội bộ một nước trở thành vấn đề giữa nước nọ với nước kia, thành vấn đề giải phóng thuộc địa và các nước phụ thuộc. Các nước đế quốc đấu tranh với nhau để làm cho các dân tộc bị chinh phục phục tùng mình, để làm cho các dân tộc, bộ lạc và bộ tộc khác chịu sự chi phối của mình.

Lê-nin đã nhiều lần vạch ra rằng: trong quá trình phát triển của chủ nghĩa tư bản, có thể nhìn thấy hai xu hướng trái ngược nhau trong vấn đề dân tộc: *xu hướng thứ nhất* là sự thức tỉnh của sinh hoạt dân tộc

và phong trào dân tộc, cuộc đấu tranh chống mọi sự áp bức dân tộc, sự tiêu diệt tình trạng phong kiến cát cứ, và sự thành lập các nước dân tộc. *Xu hướng thứ hai* là mối liên hệ mọi mặt giữa các dân tộc được phát triển và tăng tiến, ranh giới dân tộc bị phá hoại, liên hệ quốc tế được xây dựng nên trên cơ sở thống nhất quốc tế về tư bản, sinh hoạt kinh tế, khoa học, v.v... Xu hướng thứ nhất thịnh hành trong thời kỳ chủ nghĩa tư bản đang lên, xu hướng thứ hai thịnh hành trong thời kỳ chủ nghĩa đế quốc. Cả hai xu hướng đều là quy luật phát triển của chủ nghĩa tư bản (1).

Xu hướng quốc tế hóa việc sản xuất và trao đổi, xu hướng các dân tộc gần gũi nhau về kinh tế và các lãnh thổ rộng lớn dần dần liên hợp thành một khối có liên hệ với nhau, những xu hướng đó đều phản ánh sự phát triển của sức sản xuất và chuẩn bị điều kiện vật chất cho kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới sau này. Nhưng sự phát triển của xu hướng ấy hết sức mâu thuẫn, sự phát triển của nó tiến hành bằng cách một số dân tộc này chi phối một số dân tộc khác, dân tộc phát triển hơn áp bức và bóc lột dân tộc chưa được phát triển. « Sự cướp bóc và xâm lược thuộc địa, sự áp bức dân tộc và bất bình đẳng dân tộc, sự hoành hành và bạo lực của chủ nghĩa đế quốc, chế độ nô lệ ở thuộc địa và tình trạng dân tộc thuộc địa không có chút quyền lợi gì, cuộc đấu tranh giữa các dân tộc « văn minh » với nhau để thống trị các dân tộc « không văn minh » — đó là những hình thức được áp dụng trong quá trình các dân tộc gần gũi nhau về kinh tế » (2). Vì vậy trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, ngoài xu hướng gần gũi nhau về

---

(1) *Xem: « Ý kiến phê phán về vấn đề dân tộc » của Lê-nin.*

(2) *Sta-lin: « Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc thuộc địa ».*

kinh tế và « liên hợp » về lãnh thổ ra, còn có xu hướng muốn tiêu diệt hình thức bạo lực của sự liên hợp ấy — đó là cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức tìm đường giải phóng thoát khỏi ách áp bức của đế quốc. Xu hướng ấy tỏ rõ lòng căm phẫn của quần chúng bị áp bức đối với các hình thức liên hợp của đế quốc, đó là một xu hướng tiến bộ, vì nó chuẩn bị tiền đề chính trị cho nhân dân các nước tự nguyện liên hợp, liên minh và hợp tác trong phạm vi kinh tế xã hội chủ nghĩa thế giới.

Cuộc đấu tranh giữa hai xu hướng trái ngược nhau ấy diễn ra trong suốt lịch sử của các nước *tư sản* có nhiều dân tộc, làm cho nó đi đến chỗ tan rã vì mâu thuẫn giữa hai xu hướng ấy không thể giải quyết được trong phạm vi chủ nghĩa tư bản. Mâu thuẫn ấy quyết định chính sách dân tộc, thuộc địa của giai cấp tư sản bị phá sản, quyết định giai cấp tư sản không đủ năng lực giải quyết vấn đề ấy.

Trái lại, đối với giai cấp công nhân và Đảng cộng sản, đối với nước xã hội chủ nghĩa, thì hai xu hướng trên lại không phải là mâu thuẫn không giải quyết được, mà chỉ là hai mặt của một quá trình tiến bộ; quá trình ấy là sự giải phóng các dân tộc bị áp bức khỏi ách áp bức của đế quốc, và sự tự nguyện liên hợp của các dân tộc ấy trên cơ sở kinh tế xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở hoàn toàn bình đẳng, tin nhiệm lẫn nhau, hữu hảo với nhau, hợp tác thân mật. Đó là quy luật phát triển của quan hệ dân tộc trong điều kiện chuyên chính vô sản, trong điều kiện chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin khi giải thích *cương lĩnh* của Đảng cộng sản về vấn đề dân tộc, đã từng xét đến hai xu hướng nói trên của chủ nghĩa tư bản về vấn đề

dân tộc, và một mực chấp hành nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Xuất phát điểm chủ yếu của chủ nghĩa Mác — Lê-nin để giải quyết vấn đề dân tộc là: 1) Thừa nhận dân tộc có quyền dân tộc tự quyết cho đến cả quyền tách riêng ra (nhưng không nên lẫn lộn *quyền* tự quyết và *quyền* tách riêng với vấn đề tách riêng có *thích hợp hay không*); 2) Thừa nhận chủ quyền và bình đẳng của các chủng tộc và các dân tộc; 3) Nguyên tắc quốc tế chủ nghĩa của các tổ chức công nhân tất cả các dân tộc trong nước, giáo dục chủ nghĩa quốc tế vô sản và tình hữu hảo giữa nhân dân các dân tộc cho người lao động.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin chủ trương các dân tộc tự nguyện liên hiệp và chính vì mục đích ấy mà nêu ra khẩu hiệu dân tộc có quyền tự quyết cho đến cả quyền tách riêng ra. « Tách riêng là để liên hợp ! »—câu nói ấy hình như mâu thuẫn, hoang đường. Nhưng mâu thuẫn ấy không phải là bịa ra, mà là mâu thuẫn có thật, mâu thuẫn sống. Muốn làm cho dân tộc thoát khỏi ách áp bức của đế quốc thì không còn một con đường nào khác. Đó là phương pháp duy nhất, cách mạng, vô sản, xã hội chủ nghĩa và quốc tế chủ nghĩa để giải quyết vấn đề dân tộc.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã đặt cơ sở cho phương pháp giải quyết vấn đề dân tộc, thuộc địa, và từ đó đã mở ra *thời kỳ thứ ba* trong lịch sử phong trào giải phóng dân tộc — *thời kỳ xã hội chủ nghĩa*, tức là thời kỳ tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, và tiêu diệt sự áp bức dân tộc, là thời kỳ dân tộc bị áp bức giải phóng khỏi ách áp bức của đế quốc và thực hiện việc tự nguyện liên hợp trên cơ sở xã hội chủ nghĩa, là thời kỳ dân tộc xã hội chủ nghĩa hình thành và phồn thịnh.

Vì cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười, mà nội bộ phong trào dân tộc nước Nga đã phân liệt: phong trào dân tộc tư sản biến thành phong trào phản cách mạng, phản động đối chọi với cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trái lại, quần chúng lao động của các dân tộc bị áp bức đã mở rộng phong trào cách mạng chống địa chủ, tư bản trong và ngoài nước, chống nước ngoài vũ trang can thiệp, ủng hộ dân tộc tự quyết trên cơ sở chế độ xô viết. Phong trào ấy là một bộ phận của cách mạng xã hội chủ nghĩa, và chỉ có sau khi chủ nghĩa xã hội thắng lợi mới giành được thắng lợi. Một mặt khác, cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa, chỉ có liên minh với phong trào ấy mới có thể giành được thắng lợi và dễ giành được thắng lợi.

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin xuất phát từ lợi ích của giai cấp công nhân và toàn thể nhân dân lao động để giải quyết vấn đề dân tộc thuộc địa. Chủ nghĩa Mác — Lê-nin lấy phương pháp duy vật biện chứng làm kim chỉ nam, nghiên cứu mỗi phong trào dân tộc một cách cụ thể và theo quan điểm lịch sử. Thậm chí trong cùng một thời đại, mà có mấy phong trào dân tộc với tính chất khác nhau. Mỗi dân tộc đều vì điều kiện sinh hoạt khác nhau mà đòi hỏi phải có phương pháp riêng để giải quyết vấn đề của họ. Nếu không phân tích tình hình các nước khác một cách cẩn thận và toàn diện, thì không thể đem biện pháp giải quyết thích hợp cho một nước này mà áp dụng vào nước khác. Ngoài ra, điều kiện sinh hoạt của nhân dân các dân tộc có biến đổi, vì vậy biện pháp giải quyết vấn đề dân tộc cũng phải có biến đổi thích đáng.

Khi đánh giá các phong trào dân tộc một cách cụ thể và theo quan điểm lịch sử, những người mác-xít đã từng phân biệt phong trào dân tộc cách mạng với phong

trào dân tộc phản động. Khoảng những năm 40 thế kỷ XIX, Mác và Ăng-ghen đã tán thành phong trào dân tộc của người Ba-lan và người Hung-ga-ri phản đối chế độ chuyên chế. Đồng thời Mác và Ăng-ghen lại phản đối phong trào dân tộc của người Tiệp-khắc và người Sla-vơ miền Nam, vì bấy giờ những phong trào ấy bị chế độ Nga hoàng và chế độ quân chủ Áo — Hung lợi dụng để chống cách mạng. Bấy giờ ủng hộ phong trào dân tộc của người Tiệp-khắc và người Sla-vơ miền Nam là gián tiếp ủng hộ chế độ Nga hoàng — kẻ thù nguy hiểm nhất của phong trào cách mạng châu Âu. Mác và Ăng-ghen vạch trần chính sách áp bức dân tộc mà đế quốc Áo — Hung và nước Đức thi hành, đồng thời đòi giải phóng cho các dân tộc bị áp bức là để làm cho bản thân dân tộc Đức thoát khỏi ách áp bức của chế độ quân chủ phong kiến. Nhưng giai cấp tư sản đế quốc Áo — Hung và Đức lại ủng hộ chính sách áp bức dân tộc khác, đó là một trong những nguyên nhân quan trọng làm cho cách mạng Áo — Hung và Đức năm 1848 thất bại. Câu nói: « Một dân tộc đi áp bức dân tộc khác, không thể là một dân tộc tự do »(1) của Mác và Ăng-ghen, đã được chứng thực hoàn toàn.

Trên lịch sử đã có một số phong trào dân tộc kìm hãm sự phát triển của xã hội và có hại cho sự trưởng thành của ý thức giai cấp của quần chúng lao động bị áp bức. Phong trào của phái mê tín Hồi giáo vào nửa đầu thế kỷ XIX và phong trào Sa-mia là những thí dụ về loại phong trào phản động ấy. Loại phong trào dân tộc có tính chất tôn giáo ấy làm cho nhân dân lao động

---

(1) Xem « Tác phẩm của người lưu lạc », « Chính sách đối ngoại của nước Đức » của Ăng-ghen; Và xem « Thư gửi cho Cu-gơ-man (29-11-1869) » và « Thư gửi cho May-e và Vốc-tơ (9-4-1870) » của Mác.

Cô-ca-dơ bi nô dịch, lại bị Thổ-nhĩ-kỳ và Anh lợi dụng để làm cho nhân dân các dân tộc Cô-ca-dơ tách rời khỏi nước Nga mà biến thành nô lệ thuộc địa của chúng.

Ngày nay, phàm những phong trào dân tộc chống đế quốc đều là tiến bộ. Trái lại, phàm những phong trào dân tộc bị đế quốc lợi dụng chống lại cách mạng, chống lại Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân đều là phản động. Đảng cộng sản ủng hộ các phong trào giải phóng dân tộc, nhưng không thể ủng hộ phong trào dân tộc phản động.

Dân tộc tự quyết không phải là tuyệt đối, mà là một bộ phận cuộc đấu tranh của nhân dân lao động giành dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Người cộng sản chủ trương dân tộc hoàn toàn tự quyết, càng chủ trương nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc nên dùng cách tách riêng ra để thoát khỏi các nước đế quốc áp bức họ. Nhưng người cộng sản không chủ trương các nước cộng hòa dân tộc tách khỏi Liên-xô, vì một khi những dân tộc tự do ấy tách rời khỏi Liên-xô thì sẽ rơi vào vòng xiềng xích của đế quốc.

Còn vấn đề một dân tộc nào đó đứng riêng ra có thích hợp hay không, thì nên để dân tộc đó tự giải quyết. Trách nhiệm của người cộng sản và các nhà hoạt động tiến bộ khác, là một mực dùng tinh thần dân chủ và xã hội chủ nghĩa để ảnh hưởng đến ý chí các dân tộc, họ không vun trồng những cái gì làm cho các dân tộc xa nhau, mà vun trồng những cái làm cho các dân tộc liên hợp lại, tức là vun trồng truyền thống cách mạng cùng nhau đấu tranh của nhân dân các dân tộc chống ách áp bức của địa chủ, tư bản, chống bọn xâm lược bên ngoài, vun trồng truyền thống hợp tác quốc tế của người lao động, vun trồng tinh thần giúp đỡ lẫn nhau của các dân

tộc trong cuộc đấu tranh giành hòa bình, dân chủ và thắng lợi của chủ nghĩa cộng sản.

Lần đầu tiên trong lịch sử chủ nghĩa Mác, Lê-nin đã xuất phát từ những tư tưởng cơ bản của Mác—Ăng-ghen về vấn đề dân tộc mà vạch ra cương lĩnh lý luận và chính sách của Đảng cộng sản về vấn đề dân tộc thuộc địa. Lê-nin vạch ra rằng: vấn đề dân tộc thuộc địa là một bộ phận khăng khít của toàn bộ cuộc đấu tranh cách mạng giành chuyên chính vô sản. Lê-nin là người cổ vũ chính sách nhân dân các dân tộc bình đẳng và hữu hảo, Người đã từng trực tiếp lãnh đạo thực hiện chính sách ấy. Chỉ thị có tính chất cương lĩnh của Lê-nin về vấn đề dân tộc đã được phát triển một cách sáng tạo trong các tác phẩm của Sta-lin và trong những nghị quyết của Đảng tổng kết kinh nghiệm Liên-xô xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trong cuộc đấu tranh chống khuynh hướng chia rẽ và chống khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa trong phong trào công nhân, Đảng cộng sản do Lê-nin lãnh đạo đã giữ vững nguyên tắc quốc tế vô sản về việc xây dựng Đảng mác-xít, đã vạch ra phương pháp quốc tế vô sản về giải phóng dân tộc, điều đó có ý nghĩa rất lớn đối với thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa của Liên-xô. Xuất phát từ nguyên tắc chủ nghĩa quốc tế vô sản, một nguyên tắc của chủ nghĩa Mác—Lê-nin, Đảng cộng sản Liên-xô đã nhấn mạnh sự cần thiết phải có hành động nhất trí của những người vô sản các dân tộc, và đoàn kết họ xung quanh giai cấp vô sản Nga. Đảng cố gắng làm cho công nhân các dân tộc nhất trí hành động, và vì có sự hành động nhất trí ấy nên Đảng có thể làm cho phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân các dân tộc Nga hòa lẫn thành một dòng sông chung với phong trào xã hội chủ nghĩa của giai cấp vô sản giành thắng lợi cho chủ nghĩa xã hội, với phong trào hòa bình

dân chủ nói chung, với phong trào giành ruộng đất của nông dân, do đó mà lật đổ được chính quyền của địa chủ và tư bản ở nước Nga, xây dựng chuyên chính vô sản.

Chủ nghĩa Mác—Lê-nin nêu và giải quyết vấn đề dân tộc khác hẳn các đảng Đệ nhị quốc tế và đảng xã hội phái hữu. Các đảng ấy đã chuyển sang lập trường của chủ nghĩa đế quốc rồi.

Các đảng Đệ nhị quốc tế chỉ thỏa mãn với những bản tuyên ngôn trống rỗng về « dân tộc bình đẳng » dưới chế độ tư bản, bó hẹp vấn đề dân tộc trong phạm vi nhỏ hẹp của các dân tộc châu Âu, không dám nêu vấn đề dân tộc châu Á, châu Phi bình đẳng với dân tộc châu Âu, người da đen bình đẳng với người da trắng. Các đảng ấy không muốn nêu vấn đề dân tộc trên cơ sở cách mạng đấu tranh công khai chống chủ nghĩa đế quốc, không muốn gắn liền vấn đề dân tộc với vấn đề giải phóng thuộc địa. Những nhà lý luận Đệ nhị quốc tế, đảng viên đảng xã hội dân chủ Áo là Bô-e và Ren-ne đã nêu ra cương lĩnh dân tộc tư sản gọi là « văn hóa dân tộc tự trị », cơ sở của cương lĩnh ấy là lý luận dân tộc duy tâm và siêu hình của họ. Cương lĩnh « văn hóa dân tộc tự trị » không chủ trương quyền dân tộc tự quyết bao gồm cả quyền tách riêng ra và thành lập một nước độc lập, tức là không chủ trương các dân tộc có quyền độc lập phát triển về chính trị, kinh tế và văn hóa, mà chủ trương rằng các dân tộc bị áp bức chỉ được hưởng « quyền tự trị » về những « sự nghiệp văn hóa » như là trường học, tôn giáo và những vấn đề tương tự như thế. Có thể thấy rằng nguyên tắc của cương lĩnh ấy là giữ vững cho đế quốc Áo -- Hung được toàn vẹn, tức là cưỡng bức các dân tộc bị áp bức phải nằm trong phạm vi của « khối » đế quốc toàn vẹn. Vì vậy, mục đích của cương lĩnh ấy là vĩnh viễn giữ vững quyền thống trị của

một số dân tộc này đối với một số dân tộc khác, nó không cho phép các dân tộc Sla-vơ bị áp bức có quyền tự quyết và có quyền xây dựng một nước độc lập của mình.

Bọn Bun-đơ, bọn men-sơ-vích, bọn tờ-rốt-skít và bọn dân tộc chủ nghĩa ở Nga đều tuyên truyền cương lĩnh « văn hóa dân tộc tự trị » phản động ấy. Còn Đảng cộng sản do Lê-nin lãnh đạo thì vạch trần bản chất dân tộc tư sản trong bản cương lĩnh ấy, và cứu phong trào công nhân Nga ra khỏi ảnh hưởng xấu xa của chủ nghĩa dân tộc tư sản.

Bọn đế quốc và đồng lõa của chúng là bọn thủ lĩnh đảng xã hội cánh hữu nói các nước tư bản có sứ mệnh « khai hóa » các nước thuộc địa, ở các nước tư bản có « bình đẳng dân tộc ». Chủ nghĩa Lê-nin đã thẳng tay vạch trần những luận điệu lừa bịp ấy. Tuyên ngôn « bình đẳng dân tộc » của đảng xã hội cánh hữu đã không được đảm bảo bằng cách trực tiếp viện trợ cuộc đấu tranh giải phóng của nhân dân bị áp bức, vì vậy mà tuyên ngôn ấy chỉ là một mánh khóe lừa bịp. Chủ nghĩa Lê-nin đã gắn liền vấn đề dân tộc và vấn đề giải phóng thuộc địa khỏi ách áp bức của đế quốc, đã mở rộng khái niệm quyền dân tộc tự quyết, tuyên bố nhân dân bị áp bức ở thuộc địa và nước phụ thuộc có quyền tách rời các nước đế quốc áp bức họ và sống trong một nước độc lập.

3. — Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA KINH NGHIỆM LIÊN-XÔ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại mở ra một kỷ nguyên mới cả về mặt quan hệ dân tộc — đó là kỷ nguyên xã hội chủ nghĩa. Cuộc cách mạng ấy đã thực hiện những nguyên tắc trong chính sách của

Lê-nin và Sta-lin về vấn đề dân tộc: 1) Nhân dân các dân tộc nước Nga đều bình đẳng và có chủ quyền; 2) Nhân dân các dân tộc có quyền dân tộc tự quyết cho đến cả quyền tách riêng ra và thành lập một nước độc lập; 3) Xóa bỏ hết thảy mọi đặc quyền và mọi sự hạn chế về dân tộc và tôn giáo dân tộc; 4) Các dân tộc thiểu số và tập đoàn chủng tộc được tự do phát triển. Cách mạng tháng Mười đã tiêu diệt sự áp bức dân tộc, và đặt cơ sở vững chắc để các dân tộc liên hợp thành một nước xã hội chủ nghĩa thống nhất — Liên-xô.

Trong quá trình xây dựng nước xô viết nhiều dân tộc với tinh thần sáng tạo cách mạng của quần chúng nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, cũng đồng thời sáng tạo ra các hình thức liên hợp, tức là hình thức tự trị xô viết và liên bang xô viết.

Các nước cộng hòa xô viết liên hợp thành Liên bang cộng hòa xã hội chủ nghĩa xô viết, đó là điều cần thiết, vì như vậy có thể dùng lực lượng chung để trừ bỏ sự phá hoại về kinh tế, thực hiện công nghiệp hóa nước nhà theo hướng xã hội chủ nghĩa, căn cứ vào lợi ích của nhân dân lao động các dân tộc để sắp xếp hợp lý và phát triển sức sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hoàn cảnh bị chủ nghĩa tư bản đối địch bao vây, biến Liên-xô thành một lực lượng lớn mạnh có thể ảnh hưởng đến tình hình quốc tế làm cho tình hình quốc tế thay đổi có lợi cho nhân dân lao động.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, giai cấp công nhân Nga và nhân dân Nga giúp đỡ cho nhân dân các dân tộc khác trong Liên-xô xây dựng và củng cố Nhà nước xã hội chủ nghĩa xô viết bằng những hình thức thích hợp với đặc điểm dân tộc của họ, thu hút họ tham gia các cơ quan chính quyền Nhà nước, tham gia công tác hành chính, tư pháp, quản lý kinh tế của bản thân nhân dân lao động dân tộc ấy.

Công tác của chính quyền xô viết không phải chỉ hạn chế ở việc lập nên quyền bình đẳng về pháp quyền và về chính trị giữa các dân tộc, tuy rằng một điểm ấy cũng đã là một thành tích vĩ đại có ý nghĩa lịch sử thế giới. Thực chất biện pháp giải quyết vấn đề dân tộc của chủ nghĩa cộng sản, không những ở chỗ tiêu diệt sự áp bức và không bình đẳng giữa các dân tộc, mà còn ở chỗ « tiêu diệt tính chất lạc hậu thực sự (về kinh tế, chính trị, văn hóa) trước kia còn rơi rớt lại trong các dân tộc, làm cho dân tộc lạc hậu có thể đuổi kịp khu trung ương Nga-la-tư về quan hệ Nhà nước, quan hệ văn hóa, quan hệ kinh tế » (1).

Trên cơ sở chế độ xô viết, giai cấp công nhân Nga-la-tư, dân tộc Nga-la-tư vĩ đại, dân tộc tiên tiến nhất trong các dân tộc Liên-xô bình đẳng về quyền lợi, đang giúp đỡ các dân tộc trước kia bị áp bức và lạc hậu phát triển công nghiệp xã hội chủ nghĩa của mình, bồi dưỡng cán bộ công nhân thành thạo của mình, bồi dưỡng cán bộ thành thạo làm việc trong cơ quan Nhà nước và cơ quan kinh tế, bồi dưỡng cán bộ tri thức của dân tộc mình ; giúp đỡ các dân tộc đó vươn cao lên đến trình độ dân tộc xã hội chủ nghĩa, do đó mà *tiêu diệt sự bất bình đẳng trên thực tế* giữa các dân tộc.

Ở miền Bắc và miền Đông Liên-xô, nhất là ở Trung Á, có rất nhiều dân tộc và bộ tộc (trong đó có 25 triệu người, chủ yếu là dân cư Thổ-nhĩ-kỳ) còn chưa trải qua giai đoạn chủ nghĩa tư bản công nghiệp, đồng thời có chừng 6 triệu người (Kiếc-ghi-di, Ba-sư-kia, Ố-xơ-tin và các bộ tộc khác) trước cách mạng xã hội chủ nghĩa còn sống trong chế độ gia trưởng, chế độ thị tộc, sống trong

---

(1) Sta-lin : « *Chủ nghĩa Mác và vấn đề dân tộc, thuộc địa* ».

điều kiện không có văn hóa và không biết chữ (1). Có hàng chục bộ tộc thậm chí còn chưa có chữ riêng của mình. Vì có chế độ xô viết, vì có chính sách dân tộc của Lê-nin—Sta-lin, và sự viện trợ anh em của dân tộc Nga-la-tư vĩ đại, nên những dân tộc trước kia bị áp bức và phát triển chậm, nay đã tiến một bước nhảy vọt, từ chế độ gia trưởng và đời sống du mục đã vượt qua giai đoạn tư bản mà bước vào chủ nghĩa xã hội. Những dân tộc dưới chế độ tư bản không tránh khỏi đi đến diệt vong, thì trong điều kiện xã hội chủ nghĩa lại phục hưng, bắt đầu một đời sống mới và trở thành dân tộc xã hội chủ nghĩa. Các dân tộc xã hội chủ nghĩa Nga-la-tư, U-cơ-ren, Giê-oóc-gi, Ác-mê-ni, Lét-tô-ni, Ét-tô-ni, v.v... hình thành trong quá trình tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, trên đống gạch tàn của dân tộc tư sản trước kia. Còn các dân tộc Tuyếc-mê-ni, Ca-dắc, Tát-gi-ki và mấy dân tộc xã hội chủ nghĩa khác thì lại hình thành trong quá trình tiêu diệt chế độ phong kiến và tiêu diệt chủ nghĩa tư bản mới ra đời. Cơ sở kinh tế chung cho sự hình thành tất cả các dân tộc xã hội chủ nghĩa đều là việc thiết lập quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, tức là hình thức kinh tế xã hội chủ nghĩa.

Sở dĩ Liên-xô có thể tiêu diệt được sự bất bình đẳng về kinh tế giữa các dân tộc, chính vì công nghiệp của toàn Liên-xô nói chung đều phát triển với một tốc độ rất cao, và công nghiệp của các biên khu dân tộc lạc hậu về kinh tế lại càng tăng nhanh hơn nữa.

Nhân dân các dân tộc Liên-xô không những hoàn thành cách mạng xã hội chủ nghĩa về mặt sinh hoạt chính trị, sinh hoạt kinh tế mà cả về mặt văn hóa.

---

(1) *Xem: «Tập nghị quyết và quyết định của nhiều cuộc Đại hội đại biểu, Hội nghị đại biểu và Hội nghị Trung ương Đảng cộng sản Liên-xô»*. (Nga văn).

Lấy năm học 1938—1939 và năm học 1914—1915 để so sánh, thì số học sinh trung tiểu học nước Cộng hòa U-cơ-ren tăng gấp 3, nước Cộng hòa Bi-ê-lô-ruýt-xi tăng gấp 4, nước Cộng hòa Ác-mê-ni tăng gấp trên 8 lần, ở Ca-dắc-stăng tăng gần gấp 11 lần, ở Tuyếc-mê-ni tăng gấp 30 lần, ở U-dơ-bê-ki-stăng tăng gấp 64 lần, ở Tát-gi-ki-stăng tăng gấp 680 lần. Từ năm 1949, ở các nước cộng hòa xô viết đều thi hành chế độ giáo dục phổ thông bắt buộc đến lớp 7, và hiện nay ở thủ đô các nước cộng hòa xô viết, ở các thành phố trung tâm các tỉnh và trung tâm công nghiệp đều phải thi hành chế độ giáo dục phổ thông đến lớp 10. Con số sinh viên các trường cao đẳng các nước cộng hòa đều tăng thêm, đồng thời cũng đã bồi dưỡng nhiều cán bộ trí thức dân tộc. Về số lượng và chất lượng các chuyên gia, hiện nay Liên-xô hơn hẳn các nước khác trên thế giới. Ở 12 nước cộng hòa tham gia liên bang, đã xây dựng viện hàn lâm khoa học; ở các nước cộng hòa khác trong liên bang và các nước cộng hòa tự trị cũng đều đã xây dựng phân viện và cơ sở của viện hàn lâm khoa học Liên-xô.

Ở Liên-xô đã xuất bản các loại sách với hơn 100 thứ tiếng. Dưới chính quyền xô viết, mấy chục bộ tộc đã có chữ riêng của mình, trong những bộ tộc và dân tộc bị áp bức trước kia đã xuất hiện nhiều nhà khoa học, văn học, nghệ thuật có tài, và còn có nhiều người lãnh đạo về chính trị, kinh tế, quân sự.

Nền văn hóa của nhân dân các dân tộc Liên-xô giáo dục cho quần chúng tinh thần yêu nước xô viết, tinh thần quốc tế và tinh thần hòa bình hữu hảo giữa các dân tộc, nền văn hóa ấy đang phát triển mạnh mẽ.

Văn hóa xã hội chủ nghĩa khác hẳn văn hóa tư sản. Văn hóa tư sản là nền văn hóa chiếm địa vị thống trị

trong chế độ tư bản, là công cụ của bọn bóc lột dùng để nô dịch nhân dân lao động. Văn hóa tư sản dùng những tư tưởng phản động như chủ nghĩa chủng tộc, chủ nghĩa dân tộc, chủ nghĩa thế giới để đầu độc nhân dân, làm mê muội ý thức của nhân dân, để củng cố nền thống trị của giai cấp tư sản. Văn hóa xã hội chủ nghĩa kết hợp một cách chặt chẽ truyền thống dân tộc của nhân dân các dân tộc với lợi ích chung thiết thân của toàn thể nhân dân lao động.

Khi phát triển văn hóa xã hội chủ nghĩa, nhân dân Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân chọn lọc lấy tất cả những cái gì tốt đẹp quý báu của nền văn hóa cũ, trước hết là những yếu tố và truyền thống tiến bộ, cách mạng, dân chủ và xã hội chủ nghĩa. Nền văn hóa mới, với nội dung xã hội chủ nghĩa, đương nhiên không những phải áp dụng những hình thức dân tộc trước kia và hiện nay, mà còn yêu cầu phải sáng tạo những hình thức biểu hiện, phương pháp biểu hiện và thủ đoạn biểu hiện mới thích hợp với nội dung mới. Những hình thức mới ấy không phải gạt bỏ những hình thức cũ mà đại chúng nhân dân ưa thích, trái lại, phải phát triển thêm trên cơ sở nội dung xã hội chủ nghĩa mới.

Trong văn hóa dân tộc trước kia cũng có nội dung phản động, có những nét phản nhân dân, có những mặt thối nát ngăn cản xã hội tiến lên, như tín ngưỡng tôn giáo và nghi thức tôn giáo, ma chay cúng lễ, thị tộc thù hằn nhau, chế độ đa thê, phụ nữ cấm cung, phụ nữ che mặt, v. v... Chủ nghĩa xã hội vứt bỏ hết tất cả những thứ phản động ấy, phát triển một cách sáng tạo những thành tích tốt đẹp có ích cho quần chúng lao động trong nền văn hóa trước kia.

Văn hóa xã hội chủ nghĩa của dân tộc Nga vĩ đại là nền văn hóa phát đạt nhất, phong phú nhất, nên nó

có tác dụng lãnh đạo trong sự phát triển nền văn hóa xã hội chủ nghĩa của các dân tộc khác, và dần dần trở thành của cải chung của nhân dân Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân. Thành tích văn hóa dân tộc của mỗi dân tộc Liên-xô đồng thời cũng là thành tích của các dân tộc khác. Những bản dịch các tác phẩm văn học ưu tú của các dân tộc ra chữ Nga và ra chữ các dân tộc khác ở Liên-xô, các cuộc triển lãm nghệ thuật dân tộc ở Mạc-tư-khoa, thủ đô Liên-xô, và sự gặp gỡ hợp tác giữa những người công tác văn hóa của tất cả các dân tộc xã hội chủ nghĩa, tất cả những việc đó đều có tác dụng rất lớn đối với việc trao đổi văn hóa giữa các dân tộc. Văn hóa Nga là nền văn hóa phong phú nhất, cho nên những người công tác văn hóa Nga thường xuyên giúp đỡ cho những người công tác văn hóa các dân tộc Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân một cách vô tư và như anh em với nhau.

Chủ nghĩa xã hội đã đẻ ra tình hữu nghị và sự hợp tác anh em giữa nhân dân các dân tộc. Tình hữu nghị giữa nhân dân các dân tộc Liên-xô là kết quả quan trọng nhất của chính sách dân tộc Lê-nin — Sta-lin của Đảng cộng sản, là một trong những thành tích vĩ đại của chủ nghĩa xã hội, và cũng là một trong những cơ sở quan trọng nhất làm cho một nước nhiều dân tộc như Liên-xô có uy lực và không gì chiến thắng nổi. Tình hữu nghị giữa nhân dân các dân tộc trở thành động lực mạnh mẽ thúc đẩy xã hội xô viết phát triển. Vì kẻ chủ yếu gây ra hằn thù dân tộc là giai cấp bóc lột đã bị tiêu diệt, vì chế độ vun trồng tâm lý không tin cậy lẫn nhau và gieo rắc chủ nghĩa dân tộc là chế độ người bóc lột người đã bị tiêu diệt, nên tình hữu nghị ấy ngày một củng cố. Giai cấp công nhân và Đảng cộng sản của họ là người xây dựng tình hữu nghị giữa nhân dân các dân tộc, nó

phản đối mọi sự áp bức, trung thành bảo vệ và truyền bá tư tưởng chủ nghĩa quốc tế. Trong quá trình giúp đỡ lẫn nhau về xây dựng kinh tế, văn hóa giữa nhân dân các dân tộc, tình hữu nghị giữa nhân dân các dân tộc Liên-xô ngày một củng cố. Tình hữu nghị giữa nhân dân các dân tộc thúc đẩy cho nền văn hóa xã hội chủ nghĩa với hình thức dân tộc và nội dung xã hội chủ nghĩa của nhân dân các dân tộc Liên-xô thêm phồn thịnh.

Thắng lợi của chủ nghĩa xã hội đã thay đổi tận gốc bộ mặt của nhân dân các dân tộc Liên-xô. Giữa các dân tộc Liên-xô, không còn tâm lý không tin cậy lẫn nhau nữa, tình cảm hữu ái đã phát triển, và do đó mà tạo thành quan hệ hợp tác anh em chân chính trong một hệ thống nước xã hội chủ nghĩa nhiều dân tộc thống nhất. Cuộc thử thách gắt gao mà nước ấy đã vượt qua trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc Liên-xô vĩ đại chống phát xít xâm lược chứng minh rằng chế độ xã hội chủ nghĩa xô viết là kiểu mẫu tốt đẹp nhất về sự hợp tác giữa nhân dân các dân tộc.

Tình hình phát triển của các nước tư sản nhiều dân tộc thì trái ngược hẳn. Các nước tư sản dựa trên cơ sở bóc lột nhân dân lao động và áp bức dân tộc, bị sự đối kháng giai cấp và đối kháng dân tộc trong nội bộ chia năm xẻ bảy. Sự đối kháng ấy làm cho các nước đó lung lay và đưa các nước đó đến chỗ tất nhiên bị tan rã. Giai cấp tư sản không có năng lực giải quyết vấn đề dân tộc. Nó chỉ có thể dùng phương pháp cướp đoạt, bạo lực và nô dịch để «liên hợp» các dân tộc. Vì vậy mà các nước tư sản nhiều dân tộc đã lần lượt phá sản. Đế quốc Áo — Hung đã tan rã, «đế quốc thứ ba» của Hít-le đã hoàn toàn sụp đổ, đế quốc của bọn quân phiệt Nhật đã tan tành, những đế quốc thực dân Pháp, Hà-lan, Anh cũng đang bắt đầu sụp đổ.

Chỉ có đấu tranh không điều hòa với *chủ nghĩa dân tộc*, thì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và tình hữu nghị giữa các dân tộc mới thành công. Chủ nghĩa dân tộc gieo rắc tư tưởng và chính sách không tin cậy lẫn nhau và thù hằn lẫn nhau giữa nhân dân các dân tộc. Đó là tư tưởng và chính sách của giai cấp bóc lột, mục đích của nó là định dùng nguyên tắc thâm độc « chia để trị » của bọn chủ nô La-mã để đảm bảo quyền thống trị của chúng đối với nhân dân các dân tộc khác. Bọn dân tộc chủ nghĩa khêu gợi ác cảm giữa nhân dân các dân tộc, tuyên truyền « đoàn kết nhất trí » giữa kẻ bóc lột và người bị bóc lột trong nội bộ dân tộc, dụng ý của chúng là bắt nhân dân lao động phục tùng giai cấp tư sản, không để cho nhân dân lao động tiến hành đấu tranh giai cấp chống chủ nghĩa tư bản.

Nguồn gốc của chủ nghĩa dân tộc là ở bản thân chế độ tư bản. Tư hữu tài sản, tư bản và chế độ người bóc lột người không khỏi làm cho người ta chia rẽ, sinh ra tranh giành dân tộc và áp bức dân tộc. Trái lại chế độ công hữu xã hội chủ nghĩa và lao động tập thể nhất định làm cho người ta gần gũi nhau, trừ bỏ xung đột dân tộc và tiêu diệt áp bức dân tộc.

Trong điều kiện xã hội lấy chế độ tư hữu làm cơ sở, trong nội bộ Đảng cộng sản đã nảy ra khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa; khuynh hướng ấy nảy ra là do ảnh hưởng của giai cấp bóc lột gây xung đột và hằn thù giữa các dân tộc để làm yếu lực lượng của nhân dân lao động. Khuynh hướng dân tộc chủ nghĩa là biểu hiện rời bỏ chính sách chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân để đi theo chính sách dân tộc chủ nghĩa của giai cấp tư sản.

Chủ nghĩa xã hội thắng lợi ở Liên-xô và giai cấp bóc lột bị tiêu diệt, đồng thời cũng có nghĩa là sự hằn

thù dân tộc bị tiêu diệt, cơ sở xã hội của chủ nghĩa dân tộc bị tiêu diệt, khuynh hướng chủ nghĩa dân tộc trong nội bộ Đảng cộng sản Liên-xô bị khắc phục.

Nhưng, không phải chốc lát mà có thể tẩy trừ hết tàn tích chủ nghĩa dân tộc trong ý thức người ta được. Về mặt quan hệ dân tộc, tàn tích chủ nghĩa tư bản hết sức dai dẳng, vì nó có thể dùng lợi ích dân tộc để ngụy trang, lẩn lút. Ngoài ra, thế lực bao vây của chủ nghĩa tư bản vẫn có sức làm sống lại tàn tích chủ nghĩa dân tộc để hòng lay chuyển tình hữu nghị của nhân dân các dân tộc Liên-xô, hòng làm hại uy lực của Nhà nước Liên-xô nhiều dân tộc. Thí dụ: tàn tích chủ nghĩa dân tộc biểu hiện ra ở sự việc sau đây: một số nhà sử học và văn học xóa nhòa mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ dân tộc tư sản, hình dung sự phát triển của văn hóa dân tộc trong xã hội có giai cấp thành «một dòng sông đơn nhất» không có đấu tranh giai cấp. Một số nhà sử học và văn học một lòng ca tụng thời đại đã qua của dân tộc, mô tả những vua chúa phong kiến phản động thành những anh hùng dân tộc. Chủ nghĩa dân tộc một mặt biểu hiện ở chỗ tô điểm chính sách thực dân của chế độ Nga hoàng và giai cấp tư sản Nga, mặt khác biểu hiện ở chỗ tô điểm hệ thống tư tưởng và chính sách phản động của giai cấp tư sản dân tộc hoặc địa chủ phong kiến lớp trên liên minh với chế độ Nga hoàng để áp bức nhân dân các dân tộc, bán rẻ lợi ích của nhân dân các dân tộc cho bọn đế quốc Tây Âu. Lý tưởng hóa tất cả những gì trong quá khứ, tô vẽ cho những tàn tích chế độ cũ của dân tộc, kể cả yếu tố phản động trong nền văn hóa dân tộc trước kia, tức là làm cho chủ nghĩa dân tộc sống lại. Chủ nghĩa dân tộc cũng biểu hiện ra ở chỗ tô điểm cho những phong trào phản động mang nhãn hiệu chủ nghĩa dân tộc tôn giáo như

chủ nghĩa Liên Hồi, chủ nghĩa Liên Thổ (a), chủ nghĩa Do-thái phục quốc, v.v..., biểu hiện ra ở chỗ coi thường ảnh hưởng vĩ đại và tốt đẹp của nền văn hóa tiên tiến Nga, của tư tưởng những người cách mạng dân chủ và những người cộng sản Nga đối với phong trào giải phóng các dân tộc khác. Những kẻ thù ghét chủ nghĩa xã hội, xúi xiểm và khêu gợi những hiềm khích dân tộc và thù hằn dân tộc trong tầng lớp dân cư lạc hậu nhất. Tàn tích của chủ nghĩa dân tộc gắn chặt với những tàn tích khác của chủ nghĩa tư bản (thí dụ như tàn tích tôn giáo làm cho tín đồ của tôn giáo này không tin tín đồ tôn giáo khác).

Tàn tích của chủ nghĩa tư bản về vấn đề dân tộc còn biểu hiện ở chủ nghĩa thế giới và chủ nghĩa hư vô dân tộc. Đảng cộng sản rất thận trọng đối với văn hóa dân tộc của nhân dân các dân tộc, đối với nội dung tiến bộ của văn hóa dân tộc. Đảng đã vạch mặt tập đoàn chống tinh thần yêu nước của bọn thế giới chủ nghĩa ở Liên-xô, tập đoàn ấy núp sau danh hiệu «chủ nghĩa quốc tế» để nói xấu thành tích văn hóa xã hội chủ nghĩa của nhân dân các dân tộc Liên-xô, nhất là thành tích văn hóa dân tộc Nga vĩ đại.

Khi tổ chức sự hợp tác anh em của các dân tộc xã hội chủ nghĩa trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa cộng sản, Đảng cộng sản đã đấu tranh để triệt để khắc phục tàn tích chủ nghĩa dân tộc trong ý thức của nhân dân, và giáo dục tinh thần quốc tế cho nhân dân lao động.

Thực tiễn của Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân về vấn đề dân tộc đã đánh một đòn chí tử vào tất

---

(a) Chủ trương thống nhất tất cả dân Hồi thành một nước, tất cả dân Thổ thành một nước. Chữ Pháp là Panislamisme, Panturquisme.

cả những lý luận chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa chủng tộc. Thực tiễn ấy đã đập tan những tư tưởng phản khoa học, thù ghét nhân loại như nói loài người chia thành các chủng tộc và dân tộc «cao đẳng», «hạ đẳng», một số dân tộc sinh ra là để thống trị và bóc lột dân tộc khác. Kinh nghiệm của nhiều dân tộc ở Liên-xô chứng minh rằng không có dân tộc nào kém cỏi đến nỗi không thúc đẩy được văn hóa tiến lên. Thực tiễn của Liên-xô, của nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa và các nước dân chủ nhân dân đã chứng minh rằng: tất cả những dân tộc được giải phóng khỏi ách áp bức dân tộc và có khả năng phát triển tự do, độc lập đều có thể thúc đẩy văn hóa tiến lên.

Lý luận và thực tiễn của sự bình đẳng và tình hữu hảo giữa nhân dân các dân tộc Liên-xô, thái độ tôn trọng quyền lợi của nhân dân các nước khác, làm cho nhân dân các dân tộc Liên-xô đoàn kết thành một đại gia đình anh em, và nhân dân yêu chuộng tự do ở các nước khác cũng đều trở thành bạn của Liên-xô. Tư tưởng mọi chủng tộc và dân tộc bình đẳng, tư tưởng nhân dân các dân tộc hữu hảo của Liên-xô đã hoàn toàn chiến thắng tư tưởng đế quốc phát xít gieo rắc chủ nghĩa dân tộc và hằn thù chủng tộc tàn ác trong thời gian chiến tranh thế giới thứ hai. Ai nấy đều biết bọn Hít-le coi tư tưởng chủ nghĩa chủng tộc thù ghét loài người là vũ khí tư tưởng của chúng, mục đích của chúng là làm cho cuộc tuyên truyền sự thù hằn chủng tộc và thù hằn dân tộc có thể tạo điều kiện chính trị và tư tưởng cho bọn đế quốc Đức thống trị nhân dân các nước. Bọn Hít-le cố sức gây xích mích và bất hòa giữa các dân tộc làm cho các dân tộc đó lần lượt sa vào ách nô dịch của chúng.

Bọn đế quốc Mỹ Anh cũng bắt đầu chuẩn bị chiến tranh thế giới mới bằng cách tuyên truyền tư tưởng chủ nghĩa chủng tộc, tuyên truyền những dân tộc nói tiếng Anh là dân tộc cao quý nhất. Tư tưởng và chính sách hằn thù chủng tộc, thực tế là nguyên nhân làm cho nội bộ nước Đức phát xít bị suy yếu và ngoại giao bị cô lập, đồng thời cũng là một trong những nhân tố làm cho khối kẻ cướp Hít-le chóng tan rã. Tập đoàn xâm lược đế quốc Anh Mỹ lấy tư tưởng và chính sách hằn thù chủng tộc làm vũ khí của mình, cũng sẽ không tránh khỏi số phận như thế.

Trong quá trình chuyển từng bước từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản, các dân tộc xã hội chủ nghĩa đều đã bước lên một giai đoạn mới về mặt phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa. Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa cộng sản, sự khác nhau về giai cấp giữa công nhân và nông dân, ranh giới giữa công nông và phần tử trí thức đã dần dần bị tiêu diệt. Các dân tộc xã hội chủ nghĩa sẽ là những dân tộc càng đoàn kết, càng nhất trí và không còn một chút tàn tích nào của chủ nghĩa tư bản. Kinh tế và văn hóa của các dân tộc đều được phát triển đầy đủ. Chủ nghĩa xã hội đã tiêu diệt sự phát triển một chiều và sự phân phối một chiều của sức sản xuất do chủ nghĩa tư bản, do chính sách thực dân của chế độ Nga hoàng và chủ nghĩa đế quốc tạo ra ở nước ta. Trong tất cả các nước cộng hòa dân tộc xô viết đều đã xây dựng công nghiệp xã hội chủ nghĩa. Đại hội đại biểu lần thứ XIX của Đảng cộng sản Liên-xô đã quy định trong chỉ thị về kế hoạch 5 năm lần thứ 5 là phải cải thiện việc phân phối sức sản xuất trong toàn quốc một cách có kế hoạch, không những nhằm mục đích làm cho công nghiệp ở gần nơi sản xuất nguyên liệu và nhiên liệu, tiêu diệt hiện tượng vận tải xa

xôi không hợp lý và củng cố lực lượng quốc phòng của Liên-xô, mà còn làm cho kinh tế và văn hóa của các nước cộng hòa dân tộc và các khu dân tộc được phồn thịnh hơn. Trong kế hoạch phát triển các ngành công nghiệp, vận tải, nông nghiệp, thương nghiệp đã chú ý đến lợi ích chung to lớn của cả Liên-xô, đồng thời cũng chú ý đến lợi ích riêng của các nước cộng hòa dân tộc xô viết. Để thực hiện những kế hoạch ấy, nhân dân các dân tộc Liên-xô đã xây dựng cơ sở vật chất cho chủ nghĩa cộng sản trong sự hợp tác hữu ái. Trên cơ sở ấy, đang phát triển sự hợp tác văn hóa toàn diện giữa các dân tộc xã hội chủ nghĩa về các mặt kỹ thuật, khoa học, văn học, nghệ thuật. Việc trao đổi kinh nghiệm tiên tiến trong các lĩnh vực sản xuất, sinh hoạt, văn hóa có tác dụng lớn trong sự hợp tác ấy. Dân tộc Nga vĩ đại có nền văn hóa phát đạt nhất, đã giúp đỡ khẳng khái như anh em cho nhân dân các dân tộc khác về các mặt xây dựng chủ nghĩa cộng sản. Đảng cộng sản và Chính phủ Liên-xô nhận thấy một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất là củng cố tình hữu nghị giữa nhân dân các dân tộc Liên-xô, củng cố mối liên hệ theo chủ nghĩa quốc tế của nhân dân các dân tộc với nhân dân lao động các nước khác.

Thực tiễn của Liên-xô đã dùng sự thật mà chứng minh rằng: sự liên minh anh em giữa nhân dân lao động các dân tộc khác nhau trên nguyên tắc tự nguyện, hoàn toàn bình đẳng và dân tộc hữu hảo là một điều có thể làm được và hợp lý. Liên-xô áp dụng trước tiên phương pháp *đúng đắn duy nhất* để giải phóng các dân tộc bị áp bức,— đó là phương pháp chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Hiện nay, tất cả những lực lượng dân chủ tiến bộ trên toàn thế giới đều đang học tập kinh nghiệm của nhân dân các dân tộc Liên-xô. Đảng cộng sản ở các nước dân chủ nhân dân đều lấy chủ nghĩa Mác—Lê-nin

làm kim chỉ nam, căn cứ vào kinh nghiệm Liên-xô để giải quyết vấn đề dân tộc, thực hiện quyền dân tộc tự quyết và sự bình đẳng hoàn toàn giữa các dân tộc, tổ chức các dân tộc hợp tác như anh em, giáo dục cho nhân dân lao động chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa quốc tế và tinh thần hữu hảo giữa nhân dân các dân tộc, đấu tranh với hệ thống tư tưởng chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thế giới của giai cấp tư sản. Ở các nước dân chủ nhân dân, chính sách áp bức dân tộc và thù ghét dân tộc của giai cấp tư sản, địa chủ đã phá sản. Tất cả những dân tộc ở các nước dân chủ nhân dân châu Âu và châu Á đều đã hoàn toàn bình đẳng và có điều kiện tự do phát triển. Quyền lợi của các dân tộc thiểu số được đảm bảo bằng pháp luật. Hiện tượng bất bình đẳng thực tế về kinh tế và văn hóa giữa các dân tộc đã bị tiêu diệt. Thí dụ : người Tiệp-khắc giúp người Slô-vác phát triển công nghiệp, bồi dưỡng cán bộ trí thức dân tộc, v.v...

Các nước dân chủ nhân dân được Liên-xô ủng hộ đắc lực và viện trợ như anh em, đoàn kết xung quanh Liên-xô thành một thành trì hòa bình, tự do và độc lập vững mạnh của nhân dân các dân tộc, giúp đỡ lẫn nhau trong công cuộc kiến thiết chủ nghĩa xã hội. Trong quá trình các nước dân chủ nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội, dân tộc tư sản cũ được cải tạo thành dân tộc xã hội chủ nghĩa.

4. — THẾ GIỚI CHIA THÀNH HAI HỆ THỐNG VÀ PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười vĩ đại đã tiêu diệt sự áp bức dân tộc thuộc địa trên một phần sáu thế giới, mở một kỷ nguyên *cách*

mạng dân tộc thuộc địa dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản. Sau khi Liên-xô được thành lập, thế giới hình thành hai hệ thống đối lập, hai phe: phe tư bản chủ nghĩa và phe xã hội chủ nghĩa. Cuộc đấu tranh giữa hai phe ấy là nội dung chủ yếu của thời đại hiện nay.

Khi Lê-nin xác định cách nêu vấn đề dân tộc mới sau khi thành lập nước cộng hòa xô viết, Người đã vạch rõ: hiện nay không thể bó hẹp ở chỗ tuyên bố chung chung ngoài miệng là nhân dân lao động các dân tộc gần gũi nhau mà « cần phải thi hành một chính sách nhằm liên minh chặt chẽ nhất tất cả các phong trào giải phóng dân tộc, giải phóng thuộc địa với nước Nga xô viết, và làm cho sự liên minh đó có những hình thức phù hợp với trình độ phát triển của phong trào cộng sản trong giai cấp vô sản mỗi một nước hay phù hợp với trình độ phát triển của phong trào giải phóng dân chủ tư sản của công nhân và nông dân các nước lạc hậu hay dân tộc lạc hậu » (1).

Lê-nin nêu ra rằng quyết định kết cục của cuộc đấu tranh có tính chất thế giới giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản, xét đến cùng là tình hình các nước Nga, Ấn-độ, Trung-quốc họp thành số nhân khẩu rất lớn (kể cả nhân khẩu thuộc địa), là cuộc đấu tranh tự giải phóng của số nhân khẩu rất lớn ấy đã phát triển hết sức nhanh chóng sau khi Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười thắng lợi. Sta-lin đã căn cứ vào những chỉ thị ấy của Lê-nin, làm sáng tỏ thêm vấn đề lý luận và sách lược của cách mạng dân tộc thuộc địa, và con đường chiến thắng đế quốc của những cuộc cách mạng ấy.

Nguyên tắc lý luận của chủ nghĩa Lê-nin đã được thực tiễn chứng minh một cách hùng hồn. Cùng với

---

(1) « *Lê-nin tuyển tập* ».

thắng lợi của nhân dân Trung-quốc đối với chủ nghĩa đế quốc, cùng với sự thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung-hoa, các nước dân chủ nhân dân châu Âu và châu Á cộng với Liên-xô chiếm một phần ba nhân khẩu thế giới. Thắng lợi của nhân dân Trung-quốc vĩ đại đã tăng cường và củng cố phe hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa do Liên-xô lãnh đạo. Thắng lợi ấy là một đòn rất nặng đánh vào chủ nghĩa đế quốc, nó đưa phong trào giải phóng dân tộc của các nước phương Đông lên một giai đoạn mới cao hơn, đẩy nhanh thêm cuộc khủng hoảng và sự tan rã của toàn bộ hệ thống thuộc địa của đế quốc.

Nhưng còn hơn 1.000 triệu nhân dân đang sống dưới ách áp bức dân tộc và áp bức thuộc địa của đế quốc. Ngày nay lực lượng chủ yếu của bọn đế quốc phản động thế giới, lực lượng chủ yếu thực hiện việc áp bức, cướp đoạt và bóc lột thuộc địa là đế quốc Mỹ đang mong làm bá chủ thế giới. Tư bản lũng đoạn Mỹ thẳng tay bóc lột nhân dân A-la-sca, quần đảo Viếc-gi-ni, quần đảo Ha-oai, Phi-luật-tân, Poóc-tô-ki-cô, Quy-ba, châu Mỹ la-tinh; thẳng tay bóc lột người Anh-điêng và người Da đen sống trên đất Mỹ cùng nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc ở châu Á và châu Phi, đồng thời còn giúp đỡ cho đế quốc Pháp, Hà-lan, Anh đối phó với phong trào giải phóng dân tộc của nhân dân thuộc địa.

Người Da đen ở Mỹ trên thực tế không có một chút quyền gì. Sau khi tìm ra châu Mỹ, người Anh-điêng là người vốn ở trên đất ấy bị bọn thực dân da trắng thẳng tay giết hại, và đến nay bị dồn vào một nơi gọi là vùng riêng của người Anh-điêng, ở đấy họ sa vào cảnh đói rét, bệnh tật và chết chóc. Tính trung bình người Anh-

điêng thuộc bộ lạc Pa-pa-gô ở châu A-ri-dôn chỉ sống đến 17 tuổi.

Tư bản độc quyền Mỹ dùng tài chính, dùng quân sự và các hình thức «viện trợ» khác để bóc lột nhân dân thuộc địa và nhân dân các nước tư bản. Căn cứ vào tài liệu thống kê đã bớt xén của nhà đương cục thì tư bản Mỹ, từ năm 1920 đến năm 1948 đã thu được 18.000 triệu đô-la trong khoản đầu tư ra nước ngoài, tức là gấp ba tổng số vốn mà Mỹ bỏ ra trong những năm đầu của thời kỳ ấy. Khoảng 1946—1951, mỗi năm số thu nhập của Mỹ về khoản đầu tư ra nước ngoài đều gấp hơn hai lần số thu nhập mỗi năm trong khoảng 25 năm trước. Tình hình ấy cũng tỏ rõ sự thật sau đây: thu nhập quốc dân của Mỹ hiện nay so với thu nhập quốc dân của các nước tư bản khác, nhất là các nước phụ thuộc và thuộc địa thì khác nhau một trời một vực. Năm 1949, thu nhập quốc dân trung bình tính theo đầu người ở Mỹ là 1.453 đô-la, ở Anh 773 đô-la, ở Hà-lan 502 đô-la, ở Ấn-độ 57 đô-la, ở Pa-kít-stăng 51 đô-la, ở Phi-luật-tân 44 đô-la, ở Li-bê-ri-a 38 đô-la, ở Thái-lan 36 đô-la, ở Nam-dương 25 đô-la.

Đế quốc Mỹ không những bóp nghẹt công nghiệp dân tộc của các nước thuộc địa, mà còn bóp nghẹt công nghiệp dân tộc của các nước tư bản đã phát triển cao ở châu Âu, (Anh, Pháp, Bỉ, Ý), vì thế mà tăng thêm hiện tượng người lao động ở các nước ấy thất nghiệp và nghèo khổ.

Vì chế độ thuộc địa khủng hoảng gay gắt thêm và đấu tranh giải phóng dân tộc tăng thêm, nên bọn đế quốc cố sức tìm hết thảy mọi hình thức mới, linh hoạt hơn để nô dịch, bóc lột nhân dân các nước. Thi dụ: về hình thức, Mỹ tuyên bố Phi-luật-tân «độc lập», nhưng thực tế thì vẫn giữ quyền thống trị của nó và đặt chính

phủ bù nhìn ở Phi-luật-tân, chính phủ ấy dựa vào sự nâng đỡ của đế quốc Mỹ và theo chỉ thị của Mỹ để cai quản Phi-luật-tân.

Đế quốc Anh khoác lác với toàn thế giới là chúng đã cho Ấn-độ độc lập, và đã «rút ra khỏi» Ấn-độ. Nhưng thực tế thì chúng vẫn nắm những mạch máu kinh tế của Ấn-độ. Bọn đế quốc ngăn trở công nghiệp và nông nghiệp dân tộc Ấn-độ phát triển. Vì vậy mà kinh tế Ấn-độ hết sức lạc hậu. Ở Ấn-độ 97% công nghiệp dầu hỏa, 95% công nghiệp cao su, 90% công nghiệp làm diêm, 89% công nghiệp làm đay, 86% công nghiệp làm chè, 73% công nghiệp khai mỏ, 62% công nghiệp mỏ than và 54% công nghiệp làm nhựa cao su nằm trong tay đế quốc. Trong số nước ngoài đầu tư ở Ấn-độ, nước Anh chiếm 72,4%. Bọn thực dân Anh, trong thời gian thống trị Ấn-độ đã làm cho Ấn-độ sa vào cảnh hết sức nghèo nàn. Trên 85% dân số mù chữ. Bọn đế quốc và giai cấp địa chủ, tư sản mại bản Ấn-độ lợi dụng thành kiến chủng tộc và tôn giáo để gieo rắc sự hằn thù dân tộc và hằn thù tôn giáo trong nhân dân Ấn-độ, — một nước nhiều chủng tộc và nhiều dân tộc. Đế quốc Mỹ cũng hòng nô dịch nhân dân Ấn-độ, nhưng gặp phải sức phản kháng của lực lượng yêu nước tiến bộ Ấn-độ. Không còn nghi ngờ gì nữa, nhân dân các dân tộc Ấn-độ sẽ vùng dậy đấu tranh để triệt để giải phóng, đấu tranh để đuổi cổ bọn đế quốc ra khỏi bờ cõi. Về mặt này họ sẽ được cả phe xã hội chủ nghĩa và dân chủ đồng tình và ủng hộ.

Ở châu Phi với 198 triệu dân cư, đang thi hành chế độ lao động cưỡng bức của chế độ nô lệ và chế độ nông nô. Việc phân biệt chủng tộc ở đấy hết sức ghê gớm. Dân cư vốn ở châu Phi bị dồn đến một khu gọi là khu riêng. Tất cả những đất đai tương đối tốt đều bị

thực dân nước ngoài chiếm hết. Nghèo khổ, đói rét và bệnh tật đã cướp mất tính mạng của những người dân không có thuốc thang chạy chữa. Theo tài liệu thống kê của Liên hiệp quốc công bố tháng 12-1952, 57% người châu Phi đã chết trước 15 tuổi vì nghèo khổ, vì lao động quá độ, vì không có thuốc thang.

Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Nhật-bản, Tây Đức và các nước tư bản phát triển khác đều sà vào vòng áp bức của đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ dùng lãnh thổ của những nước ấy làm căn cứ quân sự, hòng biến nhân dân những nước ấy thành nô lệ thuộc địa của chúng, thành bia đỡ đạn cho chúng xâm lược Liên-xô và các nước dân chủ nhân dân, đàn áp phong trào giải phóng dân tộc. Bọn đế quốc Mỹ biến nước chúng thành tên hiến binh quốc tế và tên đao phủ giết hại nhân dân.

Trong cuộc đấu tranh chiếm quyền bá chủ thế giới, bọn tư tưởng gia của đế quốc Mỹ đã tấn công mạnh vào chủ quyền dân tộc và quyền tự do tự quyết của các dân tộc. Bọn đế quốc ấy lấy tư tưởng chủ nghĩa thế giới làm vũ khí tư tưởng, dùng mọi cách để tuyên truyền khoác lác «kiểu sống Mỹ» của giai cấp tư sản đã thối nát đến tột độ. Bọn tuyên truyền chủ nghĩa thế giới ở Mỹ, Anh và các nước khác đã mạt sát nguyên tắc chủ quyền dân tộc cho đó là một thứ «thành kiến lỗi thời». Mục đích của chúng, một mặt là đầu độc ý thức nhân dân Mỹ, Anh bằng tư tưởng chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa chủng tộc cho rằng giống người Ăng-gơ-lô—Xác-xông là «hơn cả» và «có quyền» chiếm địa vị thống trị thế giới, mặt khác là lợi dụng chính sách bán nước của giai cấp tư sản các nước khác, và lợi dụng sự hèn nhát của giai cấp tư sản đầu hàng tư bản Mỹ để tước vũ khí tư tưởng của nhân dân, làm cho họ ngoan ngoãn chịu ách nô dịch của đế quốc Mỹ.

Bọn xã hội cánh hữu tuyên truyền rộng rãi tư tưởng phản động của chủ nghĩa thế giới. Hiện nay, chúng không những làm chó săn cho giai cấp tư sản trong nước, mà còn làm chó săn cho đế quốc Mỹ, giúp đế quốc Mỹ bóp nghẹt phong trào giải phóng ở thuộc địa và các nước phụ thuộc, bán rẻ lợi ích dân tộc của nhân dân nước chúng.

Ách áp bức dân tộc, thuộc địa làm cho lòng căm thù của nhân dân các nước phụ thuộc và thuộc địa ngày càng tăng. Ngày nay đấu tranh của nhân dân các nước thuộc địa và phụ thuộc đã tiến tới giai đoạn mới cao hơn; một số nước đã dùng hình thức đấu tranh võ trang, hơn nữa trong quá trình đấu tranh võ trang đã xây dựng được đội du kích và quân đội nhân dân chính quy.

Tham gia cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc chống đế quốc Mỹ, không những có nhân dân các nước thuộc địa lạc hậu mà còn có nhân dân các nước mà chủ nghĩa tư bản đã phát triển cao như Anh, Pháp, Tây Đức, Nhật, Ý v.v... Trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân các nước, giai cấp công nhân ngày càng nắm vững quyền lãnh đạo, Đảng cộng sản các nước giơ cao ngọn cờ độc lập và chủ quyền của dân tộc.

Trong phong trào giải phóng dân tộc của mình, nhân dân các nước lợi dụng mâu thuẫn không thể tránh khỏi giữa các nước tư bản chủ yếu. Nước Anh, nước Pháp, nước Ý, nước Nhật, Tây Đức và các nước tư bản khác lệ thuộc vào Mỹ đều không cam tâm ở mãi trong địa vị hiện nay, để yên cho đế quốc Mỹ nhúng tay vào kinh tế của họ và biến kinh tế của họ thành phụ thuộc vào kinh tế Mỹ, để tư bản Mỹ cướp nguyên liệu và thị trường tiêu thụ ở thuộc địa của Anh và Pháp. Các nước chiến bại Nhật, Đức (Tây Đức) sống dưới gót sắt

của tư bản Mỹ, chịu chế độ chiếm đóng của Mỹ ràng buộc. Trước đây không bao lâu, những nước ấy còn là những nước đế quốc lớn mạnh, đã từng làm rung chuyển cơ sở thống trị của Mỹ, Anh, Pháp ở châu Âu và châu Á. Tương lai, các nước ấy cũng sẽ nhất định đòi phá tan ách thống trị của Mỹ, bước lên con đường phát triển độc lập, và lợi dụng mâu thuẫn giữa bọn đế quốc Mỹ, Anh, Pháp để thực hiện mục đích ấy.

Đảng cộng sản các nước tư bản và thuộc địa, học tập kinh nghiệm vĩ đại của Đảng cộng sản Liên-xô, giữ vững quyền tự quyết của dân tộc cho đến cả quyền tách khỏi các nước đế quốc, tuyên bố hết thảy mọi công dân đều có quyền bình đẳng không phân biệt tôn giáo, tín ngưỡng, nam nữ, chủng tộc hay dân tộc, đồng thời có quyền dùng ngôn ngữ của dân tộc mình trong tất cả các đoàn thể xã hội, cơ quan Nhà nước và trường học.

Cương lĩnh về mặt quan hệ dân tộc của các Đảng cộng sản, đều căn cứ vào tính chất cuộc cải tạo xã hội bằng cách mạng mà quyết định, cuộc cách mạng đó là một cần thiết khách quan của từng nước trong một giai đoạn phát triển nào đó.

Quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân trong cuộc đấu tranh giải phóng, sự thành lập và củng cố khối liên minh công nông, sự thành lập và củng cố mặt trận dân tộc thống nhất dựa trên cơ sở công nông liên minh, tất cả những thứ ấy là nhân tố quyết định thắng lợi của phong trào giải phóng dân tộc chống đế quốc ở các nước phụ thuộc.

Ngày nay phong trào giải phóng dân tộc ở mỗi nước đều là một bộ phận của cả cuộc đấu tranh của phe hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa chống phe đế quốc phản động, gây chiến, phản dân chủ. Đồng

thời phe hòa bình, dân chủ, xã hội chủ nghĩa trưởng thành và củng cố là một nhân tố quốc tế quan trọng làm cho phong trào giải phóng dân tộc giành được thắng lợi. Sự có mặt của phe hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa do Liên-xô lãnh đạo, đang xúc tiến cuộc đấu tranh của nhân dân bị áp bức ở các nước đòi thoát khỏi ách áp bức của đế quốc.

Quan hệ giữa các dân tộc và các nước trong phe dân chủ và xã hội chủ nghĩa là quan hệ có tính chất *xã hội chủ nghĩa*, quan hệ ấy xây dựng trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng và giúp đỡ lẫn nhau. « ... Không có một nước tư bản nào giúp đỡ các nước dân chủ nhân dân một cách có hiệu quả và tinh xảo về kỹ thuật như Liên-xô. Vấn đề không những ở chỗ sự giúp đỡ ấy rất đỡ tốn phí và tốt bậc nhất về kỹ thuật. Vấn đề trước hết là ở chỗ : cơ sở của sự hợp tác ấy là nguyện vọng chân thành giúp đỡ lẫn nhau và đạt tới một sự phát triển chung về kinh tế » (1).

Liên-xô một mực bảo vệ và ủng hộ quyền tự do tự quyết và quyền phát triển độc lập của mỗi dân tộc, ủng hộ vô tư cho cuộc đấu tranh giành độc lập, giành chủ quyền dân tộc của các dân tộc bị áp bức.

Chính sách của Liên-xô dựa trên cơ sở thừa nhận chủ quyền và quyền bình đẳng của hết thảy các dân tộc lớn nhỏ, đã đoàn kết nhân dân lao động các dân tộc thành mặt trận hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa thống nhất chống đế quốc. Liên-xô là thành trì vững chắc của tự do, bình đẳng, độc lập, an toàn và hòa bình hợp tác của các dân tộc. Lợi ích của Liên-xô gắn liền với sự nghiệp hòa bình toàn thế giới.

---

(1) *Sta-lin : « Những vấn đề kinh tế của chủ nghĩa xã hội ở Liên-xô ».*

KẾT LUẬN VẮN TẮT

Chủ nghĩa Mác — Lê-nin dạy chúng ta rằng: vấn đề dân tộc, thuộc địa không phải là một vấn đề độc lập, mà là một bộ phận của cả vấn đề nhân dân lao động đấu tranh chống ách áp bức xã hội.

Chủ nghĩa đế quốc mở rộng và tăng cường sự áp bức dân tộc thuộc địa, làm cho thế giới tư bản chia thành một số ít dân tộc thống trị và một số lớn dân tộc bị áp bức chiếm tuyệt đại đa số nhân khẩu thế giới. Trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, vấn đề dân tộc thuộc địa là một bộ phận của vấn đề đấu tranh chống đế quốc, là một bộ phận của vấn đề cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản. Nhân dân các nước đang tiến hành cuộc vận động giải phóng dân tộc chống đế quốc, là bạn đồng minh của cách mạng vô sản xã hội chủ nghĩa; dưới sự lãnh đạo của giai cấp vô sản, họ nhất định giành được thắng lợi.

Nước xã hội chủ nghĩa xô viết nhiều dân tộc là gương mẫu về cách giải quyết vấn đề dân tộc. Đảng cộng sản và các chính đảng dân chủ các nước đều dựa vào kinh nghiệm của Liên-xô, đấu tranh để chống mọi hình thức áp bức dân tộc, tranh thủ tự do và độc lập cho nhân dân các nước. Các nước dân chủ nhân dân đang áp dụng kinh nghiệm Liên-xô để giải quyết vấn đề dân tộc một cách thành công.

Ngày nay, việc giải quyết vấn đề dân tộc thuộc địa có liên hệ với những thành tích của phe hòa bình, dân chủ và xã hội chủ nghĩa do Liên-xô đứng đầu. Liên-xô là thành trì tự do, độc lập của các nước trên thế giới, là tấm gương tự nguyện hợp tác, hữu hảo và liên hợp cho nhân dân các nước trên thế giới mai sau noi theo, khi chủ nghĩa xã hội đã thắng lợi trên khắp thế giới.

MỤC LỤC

LY LUẬN MÁC — LÊ-NIN VỀ DÂN TỘC VÀ PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC

Trang

1. — LÝ LUẬN DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC . . . 5

2. — PHONG TRÀO DÂN TỘC VÀ VẤN ĐỀ DÂN TỘC THUỘC ĐỊA 19

3. — Ý NGHĨA LỊCH SỬ CỦA KINH NGHIỆM LIÊN-XÔ GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ DÂN TỘC 32

4. — THẾ GIỚI CHIA THÀNH HAI HỆ THỐNG VÀ PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG DÂN TỘC. 46

— KẾT LUẬN VẮN TẮT 55

IN TẠI XƯỞNG IN TIẾN-BỘ, 175 NGUYỄN-THÁI-HỌC
6.570 CUỐN. HOÀN THÀNH NGÀY 5-6
SỐ X.B. 399 — SỐ IN 965
NỘP LƯU CHIỂU THÁNG 6-1957

NHÀ XUẤT BẢN SỰ THẬT

Toàn bộ cuốn «DUY VẬT LỊCH SỬ» gồm 12 chương do Viện nghiên cứu triết học thuộc Viện hàn lâm khoa học Liên-xô của Công-stăng-ti-nốp.

CHƯƠNG I — Duy vật lịch sử là một môn khoa học.

CHƯƠNG II — Điều kiện sinh hoạt vật chất của xã hội.

CHƯƠNG III — Sự phát triển của sức sản xuất và quan hệ sản xuất.

CHƯƠNG IV — Cơ sở và thượng tầng kiến trúc của xã hội.

CHƯƠNG V — Giai cấp và đấu tranh giai cấp.

CHƯƠNG VI — Nhà nước và pháp quyền.

CHƯƠNG VII — Lý luận Mác — Lê-nin về cách mạng.

CHƯƠNG VIII — Lý luận Mác — Lê-nin về dân tộc và phong trào giải phóng dân tộc.

CHƯƠNG IX — Tác dụng của quần chúng nhân dân và cá nhân trong lịch sử.

CHƯƠNG X — Ý thức xã hội và các hình thái của ý thức xã hội.

CHƯƠNG XI — Động lực phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

CHƯƠNG XII — Quy luật của bước quá độ từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản.

Loại : CT/B

Giá : ~~450~~ đ.

025